

CÂY LƯƠNG THỰC



GIỐNG LÚA OM6161 (HẬU GIANG 2)

Nguồn gốc

Tác giả: Nguyễn Thị Lang, Bùi Thị Dương Khuyều và Bùi Chí Bửu, Viện Lúa đồng bằng sông Cửu Long.

Giống lúa OM6161 được chọn lọc từ tổ hợp lai C51/Jasmine 85 (marker), dòng triển vọng được chọn bằng marker, sau đó đưa vào khảo nghiệm từ vụ Hè Thu 2006. Giống được công nhận chính thức tại Quyết định số 457 QĐ-TT-CLT ngày 05/11/2010. Giống được cấp Bằng bảo hộ giống cây trồng mới tháng 2/2011.

Những đặc điểm chính

Thời gian sinh trưởng 95 - 100 ngày, thân rạ cứng, cao cây 110-112cm, đẻ nhánh khá, số bông/khóm 8-12 bông, khối lượng 1000 hạt 29,8g. Năng suất trung bình Đông Xuân: 6-7 tấn/ha; Hè Thu: 5-6,5 tấn/ha. Tỷ lệ gạo lức 79%, tỷ lệ gạo trắng 69,47% và tỷ lệ gạo nguyên 51,47%. Chiều dài hạt 7,0mm, dài/rộng 2,28mm. Độ bạc bụng cấp 1. Độ trở hồ cấp 5. Độ bền gel 72,33 mm. Hàm lượng amylose 19-20%. Mùi thơm cấp 2. Có khả năng kháng được bệnh đạo ôn (cấp 3) và kháng rầy nâu (cấp 3).

Hướng sử dụng và yêu cầu kỹ thuật

Thích hợp thích hợp gieo trồng ở cả 2 vụ Đông Xuân và Hè Thu trên nhiều loại đất khác nhau. Phát huy tốt tiềm năng năng suất ở những vùng đất phù sa ngọt kể cả những nơi nhiễm phèn nhẹ. Vụ Đông Xuân gieo sạ vào 20/11-30/11, vụ Hè Thu gieo sạ vào 20/4-30/4.

Gieo sạ theo hàng mật độ 80 kg/ha. Phân bón: đợt 1 các loại phân nên áp dụng là urea, lân supe, DAP (trường hợp không bón lót), thời gian từ 5-7 ngày sau khi sạ; đợt 2 thời gian từ 15-25 ngày sau khi sạ: $1/2N-1/2P_2O_5-1/2K_2O$; đợt 3 thời gian từ 35-40 ngày sau khi sạ: Urea, DAP, KCl. Đón và rước đồng cho lúa bằng phân urea, có thể phun nitrat kali trước trổ và sau khi trổ đều.

Diễn hình đã áp dụng thành công

Đây là giống rất tốt để đưa ra diện rộng và bổ sung vào cơ cấu giống cho các tỉnh vùng đồng bằng sông Cửu Long như Cần Thơ, An Giang, Tiền Giang, Ninh Thuận, Bình Thuận, Đồng Tháp, Bến Tre (đặc biệt là ở Hậu Giang diện tích phát triển rất mạnh nên giống còn có tên là Hậu Giang 2).



ĐỊA CHỈ LIÊN HỆ

BỘ MÔN DI TRUYỀN VÀ CHỌN GIỐNG
VIỆN LÚA ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG

ĐC: Xã Tân Thạnh, Huyện Thới Lai, TP. Cần Thơ
ĐT: 0710. 3861386

Nguồn gốc

Tác giả: Nguyễn Thị Lang, Nguyễn Thạch Căn và Bùi Chí Bửu, Viện Lúa đồng bằng sông Cửu Long.

Giống lúa OM6162 có nguồn gốc từ C50/Jasmine 85/C50, qua chọn lọc dòng thuần, thanh lọc tính kháng sâu bệnh và đánh giá đặc tính nông học, sau đó đưa vào màng lưới khảo nghiệm và nhân giống từ vụ Hè Thu năm 2007. Giống được công nhận chính thức tại Quyết định số 457 QĐ-TT-CLT, ngày 05/11/2010.

Những đặc điểm chính

Thời gian sinh trưởng 95-100 ngày; chiều cao cây 115cm; dạng hình đẹp, cứng cây; đẻ nhánh khá; số hạt chắc/bông 168 hạt, khối lượng 1000 hạt 29,8g; chiều dài hạt 7,3mm; tỉ lệ bạc bụng cấp 9 là 0%; hàm lượng amylose là 19,5%; có mùi thơm nhẹ. Năng suất đạt cao và ổn định trong cả hai vụ Đông Xuân và Hè Thu (5-7 tấn/ha); phản ứng với rầy nâu cấp 4,3 -5,7, với bệnh đạo ôn từ hơi nhiễm đến nhiễm, tỉ lệ nhiễm bệnh lùn lúa cỏ là 75%, nhiễm lùn xoắn lá là 66%.

Hướng sử dụng và yêu cầu kỹ thuật

Thích hợp cho cả vụ Đông Xuân và Hè Thu, rất thích hợp cho vùng 3 vụ lúa/năm, các vùng đất thâm canh và cả một số nơi có điều kiện bất lợi (đất nhiễm mặn). Vụ Đông Xuân gieo sạ vào 20/11-30/11. Vụ Hè Thu gieo sạ vào 20/4-30/4.

Gieo sạ lúa theo hàng mật độ gieo sạ 80 kg/ha. Phân bón: Đợt 1 các loại phân nên áp dụng là urea, lân supe, DAP (trường hợp không bón lót), thời gian từ 5-7 ngày sau khi sạ, đợt 2 thời gian từ 15-25 ngày sau khi sạ: $1/2N-1/2P_2O_5-1/2K_2O$, đợt 3 thời gian từ 35-40 ngày sau khi sạ: Urea, DAP, KCl. Đón và rước đồng cho lúa bằng phân urea, có thể phun nitrat kali trước trổ và sau khi trổ đều.

Diễn hình đã áp dụng thành công

Giống đã được sản xuất thành công trên quy mô lớn ở hầu hết các tỉnh ĐBSCL (Bạc Liêu, Trà Vinh, Hậu Giang, Kiên Giang, Sóc Trăng, Cần Thơ, Đồng Tháp, Long An, Vĩnh Long, An Giang).



ĐỊA CHỈ LIÊN HỆ

BỘ MÔN DI TRUYỀN VÀ CHỌN GIỐNG
VIỆN LÚA ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG

ĐC: Xã Tân Thạnh, Huyện Thới Lai, TP. Cần Thơ
ĐT: 0710. 3861386

GIỐNG LÚA OM6877

Nguồn gốc

Tác giả: Nguyễn Thị Lang, Lưu Thị Ngọc Huyền và Bùi Chí Bửu, Viện Lúa đồng bằng sông Cửu Long.

Giống lúa OM6877 được chọn tạo theo mục tiêu chọn giống năng suất cao, chất lượng tốt, chống chịu rầy nâu, vàng lùn, lùn xoắn lá, phát triển tốt ở hầu hết các tỉnh ĐBSCL. Giống được chọn từ tổ hợp lai OM1706/ Babawee theo phương pháp lai hồi giao (backcross) từ vụ Đông Xuân 2007-2008. Giống được công nhận chính thức tại Quyết định số 457/QĐ-TT-CLT, ngày 05/11/2010.

Những đặc điểm chính

Thời gian sinh trưởng từ 100-105 ngày. Chiều cao cây 100-110 cm, bông dài, số hạt chắc/bông khá cao 156 hạt. Khối lượng 1000 hạt từ 25-26 g, mặt gạo đẹp, ít bạc bụng, hạt gạo thon dài 6,86 mm, hàm lượng amylose 22,89%, tỷ lệ gạo nguyên đạt 46,9%, phẩm chất cơm ngon. Khả năng chống đổ khá, độ cứng cây cấp 1, kháng trung bình đối với rầy nâu từ cấp 3-5. Thích hợp với điều kiện thâm canh tại các tỉnh ĐBSCL, năng suất trung bình 5 – 7 tấn/ha. Trong điều kiện thâm canh tốt năng suất có thể đạt trên 7 tấn/ha/vụ.

Hướng sử dụng và yêu cầu kỹ thuật

Tính thích nghi rộng, năng suất ổn định. Gieo sạ lúa theo hàng mật độ gieo sạ 80 kg/ha. Phân bón: Đợt 1 các loại phân nên áp dụng là urea, lân supe, DAP (trường hợp không bón lót), thời gian từ 5-7 ngày sau khi sạ, đợt 2 thời gian từ 15-25 ngày sau khi sạ: $1/2N-1/2P_2O_5-1/2K_2O$, đợt 3 thời gian từ 35-40 ngày sau khi sạ: Urea, DAP, KCl. Đón và rước đồng cho lúa bằng phân urea, có thể phun nitrat kali trước trổ và sau khi trổ đều.

Điển hình đã áp dụng thành công

Thích nghi tại hầu hết các tỉnh đồng bằng sông Cửu Long như Hậu Giang, Cần Thơ, An Giang.



ĐỊA CHỈ LIÊN HỆ

BỘ MÔN DI TRUYỀN VÀ CHỌN GIỐNG
VIỆN LÚA ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG

ĐC: Xã Tân Thạnh, Huyện Thới Lai, TP. Cần Thơ
ĐT: 0710. 3861386

Nguồn gốc

Tác giả: Nguyễn Thị Lang và Bùi Chí Bửu, Viện Lúa đồng bằng sông Cửu Long.

Giống OM5629 được chọn từ tổ hợp lai C27/IR64//C27 theo phương pháp lai hồi giao (backcross) từ năm 2004. Giống được công nhận chính thức tại Quyết định số 457 QĐ-TT-CLT ngày 05/11/2010.

Những đặc điểm chính

OM5629 có ưu điểm là giống ngắn ngày, thời gian sinh trưởng từ 95-100 ngày. Chiều cao cây trung bình 105 cm, bông dài, số hạt chắc/bông khá cao từ 80-90 hạt. Khối lượng 1000 hạt từ 26-27 g, mặt gạo đẹp, ít bạc bụng, hạt gạo thon dài 6,86 mm và có mùi thơm cấp 1, hàm lượng amylose 24,5%, tỷ lệ gạo nguyên 51,9%, cơm ngon. Khả năng chống đổ khá, độ cứng cây cấp 1, kháng trung bình đối với rầy nâu và đạo ôn từ cấp 3-5. Thích hợp với điều kiện thâm canh tại các tỉnh ĐBSCL, đặc biệt là phát triển tốt ở các tỉnh có điều kiện phèn mặn. Năng suất trung bình 6-8 tấn/ha, trong điều kiện thâm canh tốt năng suất có thể đạt trên 8 tấn/ha/vụ.

Hướng sử dụng và yêu cầu kỹ thuật

Tính thích nghi rộng, năng suất ổn định. Đối với sạ hàng mật độ sạ 80 kg/ha. Về phân bón: Đợt 1 các loại phân nên áp dụng là: Urea, lân supe, DAP (trường hợp không bón lót), thời gian từ 5-7 ngày sau khi sạ, đợt 2 thời gian từ 15-25 ngày sau khi sạ: $1/2N-1/2P_2O_5-1/2K_2O$, đợt 3 thời gian từ 35-40 ngày sau khi sạ: Urea, DAP, KCl. Đón và rước đòng cho lúa bằng phân urea, có thể phun nitrat kali trước trổ và sau khi trổ đều.

Điển hình đã áp dụng thành công

Đây là giống có năng suất cao để bổ sung vào cơ cấu giống cho vùng đất phèn, đặc biệt vùng đất mặn ven biển. Phù hợp với các vùng Kiên Giang, Bình Thuận, Long An, Ninh Thuận.



ĐỊA CHỈ LIÊN HỆ

BỘ MÔN DI TRUYỀN VÀ CHỌN GIỐNG
VIỆN LÚA ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG

ĐC: Xã Tân Thạnh, Huyện Thới Lai, TP. Cần Thơ
ĐT: 0710. 3861386

GIỐNG LÚA OM6377

Nguồn gốc

Tác giả: Nguyễn Thị Lang, Thái Thị Hạnh và Bùi Chí Bửu, Viện Lúa đồng bằng sông Cửu Long.

Giống OM6377 hay còn có tên gọi khác là An Giang 1 (AG1), được chọn tạo trên cơ sở kết hợp phương pháp truyền thống và công nghệ sinh học. OM6377 được chọn từ tổ hợp lai IR64/Type-123 (marker). Giống được công nhận chính thức tại Quyết định số 457/QĐ-TT-CLT ngày 05/11/2010.

Những đặc điểm chính

OM6377 có ưu điểm là giống ngắn ngày, có thời gian sinh trưởng từ 90-95 ngày. Chiều cao cây trung bình 102 cm, bông dài, số hạt chắc/bông khá cao từ 70-80 hạt, khối lượng 1000 hạt đạt từ 26-27 g. Giống chất lượng tốt, mặt gạo đẹp, ít bạc bụng, hạt gạo thon dài 7,32 mm và có mùi thơm cấp 1, hàm lượng amylose 23%, tỷ lệ gạo nguyên đạt 24%, cơm ngon. Khả năng chống đổ khá, độ cứng cây cấp 1, kháng trung bình đối với rầy nâu và đạo ôn từ cấp 3-5. Thích hợp với điều kiện thâm canh tại các tỉnh ĐBSCL đặc biệt là phát triển tốt ở các tỉnh có điều kiện phèn mặn. Năng suất trung bình 6-8 tấn/ha.

Hướng sử dụng và yêu cầu kỹ thuật

Phù hợp ở nhiều vùng đất khác nhau đặc biệt là trên đất phèn, mặn nhẹ. Phân bón: Đợt 1 các loại phân nên áp dụng là urea, lân supe, DAP (trường hợp không bón lót), thời gian từ 5-7 ngày sau khi sạ; đợt 2 thời gian từ 15-25 ngày sau khi sạ: $1/2N-1/2P_2O_5-1/2K_2O$; đợt 3 thời gian từ 35-40 ngày sau khi sạ: Urea, DAP, KCl. Đón và rước dòng cho lúa bằng phân urea, có thể phun nitrat kali trước trổ và sau khi trổ đều.

Điển hình đã áp dụng thành công

Thích hợp với điều kiện thâm canh tại các tỉnh ĐBSCL đặc biệt là đối với vùng An Giang.



ĐỊA CHỈ LIÊN HỆ

BỘ MÔN DI TRUYỀN VÀ CHỌN GIỐNG
VIỆN LÚA ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG

ĐC: Xã Tân Thạnh, Huyện Thới Lai, TP. Cần Thơ
ĐT: 0710. 3861386

Nguồn gốc

Tác giả: Phạm Thị Mùi và các cộng sự, Viện Lúa đồng bằng sông Cửu Long.

Giống lúa OM4088 được chọn tạo theo mục tiêu lúa thơm chất lượng cao từ tổ hợp lai OM997/OM3536 từ năm 2001 theo phương pháp phả hệ. Giống được công nhận giống chính thức tại Quyết định số 457/QĐ-TT-CLT, ngày 05/11/2010.



Những đặc điểm chính

Giống lúa OM4088 thuộc nhóm giống lúa cực sớm (Ao), thời gian sinh trưởng 85-90 ngày, chiều cao cây 93-95 cm, số bông/m² 330-425 bông, số hạt chắc/bông 127-140 hạt, khối lượng 1000 hạt 26,5 g. Năng suất cao và ổn định qua các vụ và vùng (5-8 tấn /ha). Hạt gạo thon dài, chiều dài hạt gạo 7,2 mm, tỉ lệ bạc bụng điểm thấp, tỷ lệ gạo nguyên 52,8%, tỷ lệ gạo trắng 71,93 %, hàm lượng amylose 22-24%. Cơm ngon, dẻo khi để nguội và có mùi thơm nhẹ. Khả năng chống đổ tốt, chống chịu được rầy nâu và chống chịu được bệnh vàng lùn và lùn xoắn lá.

Hướng sử dụng và yêu cầu kỹ thuật

Thích hợp với chân đất phù sa ngọt ở ĐBSCL. Vụ Đông Xuân: Gieo sạ từ tháng 11 và thu hoạch tháng 2 năm sau; vụ Hè Thu sớm: Sạ từ tháng 3 và thu hoạch vào tháng 6; vụ Hè Thu muộn: Sạ từ tháng 6 và thu hoạch vào tháng 9.

Gieo sạ bằng công cụ sạ hàng với lượng lúa gieo sạ 80-100 kg/ha. Có thể làm mạ sân hoặc mạ trên ruộng để cấy, tuổi mạ từ 12-20 ngày tuổi, khoảng cách cấy 15 x 20 cm, cấy 2-3 dảnh. Lượng phân bón hoá học được sử dụng cho mỗi hecta: Vụ Đông Xuân: 90N-30P₂O₅-50K₂O (kg/ha); vụ Hè Thu: 80N-30P₂O₅-50K₂O (kg/ha). Lưu ý giống nhiễm nhẹ bệnh đạo ôn vì vậy cần chú ý bón phân cân đối và thăm đồng thường xuyên.

Diễn hình đã áp dụng thành công

Đã được áp dụng thành công tại các tỉnh ĐBSCL (Đồng Tháp, Cần Thơ, An Giang, Long An, Cà Mau, Sóc Trăng, Vĩnh Long, Tiền Giang, Kiên Giang, Bạc Liêu) và các tỉnh miền Đông Nam Bộ (Đồng Nai, Bình Thuận, Ninh Thuận).



ĐỊA CHỈ LIÊN HỆ

VIỆN LÚA ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG

ĐC: Xã Tân Thạnh, Huyện Thới Lai, TP. Cần Thơ
ĐT: 0710. 3861954

GIỐNG LÚA OM5472

Nguồn gốc

Tác giả: Huỳnh Thị Phương Loan và các cộng sự, Viện Lúa đồng bằng sông Cửu Long.

Giống lúa OM5472 được chọn tạo theo mục tiêu lúa giàu sắt và chất lượng cao từ tổ hợp lai OM2718/Jasmine 85 từ năm 2003 theo phương pháp chọn lọc phả hệ. Giống được công nhận giống chính thức tại Quyết định số 456/QĐ-TT-CLT ngày 05 tháng 11 năm 2010.

Những đặc điểm chính

OM5472 là giống lúa cao sản ngắn ngày (95-100 ngày), chiều cao cây từ 95-105 cm, bông dài trung bình 24-25 cm, số hạt chắc/bông 100-110. Khối lượng 1000 hạt 26-27 g.

Hạt gạo đẹp, thon dài, ít bạc bụng, chiều dài hạt gạo 7,14 mm, tỷ lệ gạo nguyên cao, hàm lượng amylose 25,5%, có khả năng kháng rầy nâu (cấp 3,4) và bệnh đạo ôn (cấp 3,5) và bệnh vàng lùn-lùn xoắn lá (cấp 1,3). Giống đang sản xuất trên diện rộng ở 13 tỉnh ĐBSCL. Năng suất cao và ổn định đạt 6-8 tấn/ha. Hàm lượng sắt tương đối cao trong hạt gạo (gạo trắng: 6,20-6,25 mg/kg; gạo lức: 14,55-14,60 mg/kg).

Hướng sử dụng và yêu cầu kỹ thuật

Mật độ sạ 80 -100kg/ha, khuyến cáo áp dụng thiết bị sạ theo hàng. Lượng phân bón theo mùa vụ và loại đất cho lúa cao sản ngắn ngày.

Mùa vụ/loại đất		Lượng phân (kg/ha)		
		N	P ₂ O ₅	K ₂ O
Vụ ĐX	- Đất phù sa	100-110	20-40	40-60
	- Đất phèn	80-100	40-60	30-50
Vụ HT	- Đất phù sa	80-100	40-60	40-60
	- Đất phèn	60-80	60-80	30-50

Điển hình đã áp dụng thành công

Giống lúa OM5472 đã được áp dụng thành công tại nhiều tỉnh ĐBSCL (An Giang, Tiền Giang, Đồng Tháp, Long An, Trà Vinh, Sóc Trăng, Bạc Liêu, Kiên Giang...).



ĐỊA CHỈ LIÊN HỆ

VIỆN LÚA ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG

ĐC: Xã Tân Thạnh, Huyện Thới Lai, TP. Cần Thơ
ĐT: 0710. 3861954

Nguồn gốc

Tác giả: Nguyễn Thị Lang, Phạm Thị Thu Hà và Bùi Chí Bửu, Viện Lúa đồng bằng sông Cửu Long.

Giống lúa OM6600 được chọn từ tổ hợp lai C43/Jasmine//C43G và được chọn tạo trên cơ sở kết hợp phương pháp truyền thống và công nghệ sinh học dùng marker phân tử.

Giống được công nhận sản xuất thử tại Quyết định số 457/QĐ-TT-CLT, ngày 05/11/2010.

Những đặc điểm chính

OM6600 có ưu điểm là giống ngắn ngày, có thời gian sinh trưởng từ 95-100 ngày. Chiều cao cây 100-110 cm, bông dài, số hạt chắc/bông khá cao từ 80-90 hạt. Khối lượng 1000 hạt đạt từ 25-26 g.

Chất lượng cơm ngon dẻo và thơm, mặt gạo đẹp, tỷ lệ bạc bụng thấp, hạt gạo thon dài 6,92 mm, hàm lượng amylose 16,99%, tỷ lệ gạo nguyên 46,9%. Khả năng chống đổ khá, dạng hình đẹp, bông chùm. Kháng trung bình đối với rầy nâu và đạo ôn từ cấp 3-5. Thích hợp với điều kiện thâm canh tại các tỉnh ĐBSCL, năng suất trung bình 6 – 7 tấn/ha.

Hướng sử dụng và yêu cầu kỹ thuật

Tính thích nghi rộng, năng suất tương đối ổn định, nên giống OM6600 được nông dân sử dụng rộng rãi trong sản xuất. Phân bón: Đợt 1 các loại phân nên áp dụng là urea, lân supe, DAP (trường hợp không bón lót), thời gian từ 5-7 ngày sau khi sạ; đợt 2 thời gian từ 15-25 ngày sau khi sạ: $1/2N-1/2P_2O_5-1/2K_2O$; đợt 3 thời gian từ 35-40 ngày sau khi sạ: Urea, DAP, KCl. Đón và rước đồng cho lúa bằng phân urea, có thể phun nitrat kali trước trổ và sau khi trổ đều.

Điển hình đã áp dụng thành công

Phù hợp với nhiều vùng đất khác nhau tại các tỉnh Long An, Đồng Tháp, An Giang, Cần Thơ, Bình Thuận, Kiên Giang và Ninh Thuận.



ĐỊA CHỈ LIÊN HỆ

BỘ MÔN DI TRUYỀN VÀ CHỌN GIỐNG
VIỆN LÚA ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG

ĐC: Xã Tân Thạnh, Huyện Thới Lai, TP. Cần Thơ
ĐT: 0710. 3861386

GIỐNG LÚA OMCS2009

Nguồn gốc

Tác giả: Nguyễn Thị Lang, Trần Ánh Nguyệt và Bùi Chí Bửu, Viện Lúa đồng bằng sông Cửu Long.

Giống lúa OMCS2009 được chọn từ tổ hợp lai OM1314/OM2514//OM2514 kết hợp phương pháp lai tạo cổ truyền với công nghệ sinh học dùng marker phân tử. Giống được công nhận sản xuất thử tại Quyết định số 457/QĐ-TT-CLT, ngày 05/11/2010.

Những đặc điểm chính

OMCS2009 có ưu điểm là giống ngắn ngày, có thời gian sinh trưởng từ 93-100 ngày. Chiều cao cây 95-105 cm, bông dài, số hạt chắc/bông khá cao từ 320-360 hạt. Khối lượng 1000 hạt từ 25-26 g.

Chất lượng cơm ngon và dẻo, tỷ lệ bạc bụng thấp, hạt gạo thon dài 7,17 mm, hàm lượng amylose 22,37%, tỷ lệ gạo nguyên 57,9%. Khả năng chống đổ khá, dạng hình đẹp, bông chùm. Kháng trung bình đối với rầy nâu và đạo ôn từ cấp 3-5. Thích hợp với điều kiện thâm canh tại các tỉnh ĐBSCL, năng suất trung bình 5-7 tấn/ha.

Hướng sử dụng và yêu cầu kỹ thuật

Tính thích nghi rộng, phù hợp với nhiều vùng đất khác nhau đặc biệt là các vùng đất bị ảnh hưởng của điều kiện mặn và cho năng suất tương đối ổn định. Phân bón: Đợt 1 các loại phân nên áp dụng là urea, lân supe, DAP (trường hợp không bón lót), thời gian từ 5-7 ngày sau khi sạ; đợt 2 thời gian từ 15-25 ngày sau khi sạ: $1/2N-1/2P_2O_5-1/2K_2O$; đợt 3 thời gian từ 35-40 ngày sau khi sạ: Urea, DAP, KCl. Đón và rước đồng cho lúa bằng phân urea, có thể phun nitrat kali trước trổ và sau khi trổ đều.

Diễn hình đã áp dụng thành công

Phù hợp với nhiều vùng đất khác nhau đặc biệt là các tỉnh ĐBSCL, vùng bị ảnh hưởng của điều kiện mặn xâm nhập.



ĐỊA CHỈ LIÊN HỆ

BỘ MÔN DI TRUYỀN VÀ CHỌN GIỐNG
VIỆN LÚA ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG

ĐC: Xã Tân Thạnh, Huyện Thới Lai, TP. Cần Thơ
ĐT: 0710. 3861386

Nguồn gốc

Tác giả: Nguyễn Thị Lang, Nguyễn Văn Tạo và Bùi Chí Bửu, Viện Lúa đồng bằng sông Cửu Long.

Giống lúa OM5981 được chọn từ tổ hợp lai IR28/AS996 theo phương pháp lai truyền thống kết hợp công nghệ sinh học dùng marker phân tử từ năm 2005. Giống được công nhận sản xuất thử tại Quyết định số 457/QĐ-TT-CLT ngày 05/11/2010.

Những đặc điểm chính

OM5981 có ưu điểm là giống ngắn ngày, có thời gian sinh trưởng từ 95-105 ngày. Chiều cao cây 105-115 cm, bông dài, số hạt /bông khá cao từ 330-380 hạt. Khối lượng 1000 hạt khá cao trung bình 27,5g, được xếp vào nhóm hạt to đẹp. Chất lượng cơm ngon, mặt gạo tương đối đẹp, tỷ lệ bạc bụng thấp, hạt gạo thon dài 7,12 mm, hàm lượng amylose 22,4%, tỷ lệ gạo nguyên 45,6%. Khả năng chống đổ khá, dạng hình đẹp, kháng trung bình đối với rầy nâu và đạo ôn từ cấp 3-5. Thích hợp với điều kiện thâm canh tại các tỉnh ĐBSCL, năng suất trung bình 5-7 tấn/ha.

Hướng sử dụng và yêu cầu kỹ thuật

Thích nghi rộng phù hợp với nhiều vùng đất đặc biệt là các vùng đất bị ảnh hưởng của điều kiện phèn và cho năng suất tương đối ổn định. Phân bón: Đợt 1 các loại phân nên áp dụng là urea, lân supe, DAP (trường hợp không bón lót), thời gian từ 5-7 ngày sau khi sạ; đợt 2 thời gian từ 15-25 ngày sau khi sạ: $1/2N-1/2P_2O_5-1/2K_2O$; đợt 3 thời gian từ 35-40 ngày sau khi sạ: Urea, DAP, KCl. Đón và rước đồng cho lúa bằng phân urea, có thể phun nitrat kali trước trổ và sau khi trổ đều.

Điển hình đã áp dụng thành công

Đây là giống rất tốt, có khả năng chống chịu phèn mặn, nên được đưa ra diện rộng để bổ sung vào cơ cấu giống tốt các tỉnh và các vùng khó khăn của đồng bằng sông Cửu Long và các tỉnh phía Nam.



ĐỊA CHỈ LIÊN HỆ

BỘ MÔN DI TRUYỀN VÀ CHỌN GIỐNG
VIỆN LÚA ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG

ĐC: Xã Tân Thạnh, Huyện Thới Lai, TP. Cần Thơ
ĐT: 0710. 3861386



GIỐNG LÚA OM5954

Nguồn gốc

Tác giả: Nguyễn Thị Lang, Bùi Thị Dương Khuê và Bùi Chí Bửu, Viện Lúa đồng bằng sông Cửu Long.

Giống lúa OM5954 được chọn từ tổ hợp lai OM1644/OM1490 theo phương pháp lai truyền thống từ năm 2004. Giống được công nhận sản xuất thử tại Quyết định số 457 QĐ-TT-CLT, ngày 05/11/2010.

Những đặc điểm chính

OM5954 có ưu điểm là giống ngắn ngày, có thời gian sinh trưởng từ 95-100 ngày. Chiều cao cây 95-105 cm, bông dài, số hạt chắc/bông khá cao từ 80-90 hạt. Khối lượng 1000 hạt khá cao trung bình 27g, được xếp vào nhóm hạt to, đẹp. Chất lượng cơm ngon, mặt gạo đẹp, tỷ lệ bạc bụng thấp, hạt gạo thon dài 6,95 mm, hàm lượng amylose 22,4%, tỷ lệ gạo nguyên 40,5%. Chống đổ khá, dạng hình đẹp, kháng trung bình đối với rầy nâu và đạo ôn từ cấp 3-5. Thích hợp với điều kiện thâm canh tại các tỉnh ĐBSCL, chịu mặn, năng suất trung bình 5-7 tấn/ha.

Hướng sử dụng và yêu cầu kỹ thuật

Tính thích nghi rộng phù hợp với nhiều vùng đất đặc biệt là các vùng đất bị ảnh hưởng của mặn tại các vùng duyên hải và cho năng suất tương đối ổn định. Phân bón: Đợt 1 các loại phân nên áp dụng là urea, lân supe, DAP (trường hợp không bón lót), thời gian từ 5-7 ngày sau khi sạ; đợt 2 thời gian từ 15-25 ngày sau khi sạ: $1/2N-1/2P_2O_5-1/2K_2O$; đợt 3 thời gian từ 35-40 ngày sau khi sạ: Urea, DAP, KCl. Đón và rước dòng cho lúa bằng phân urea, có thể phun nitrat kali trước trổ và sau khi trổ đều.

Diễn hình đã áp dụng thành công

Đây là giống rất tốt và có khả năng chống chịu mặn tương đối khá, nên được đưa ra diện rộng để bổ sung vào cơ cấu giống tốt các tỉnh và các vùng khó khăn của đồng bằng sông Cửu Long và các tỉnh phía Nam.



ĐỊA CHỈ LIÊN HỆ

BỘ MÔN DI TRUYỀN VÀ CHỌN GIỐNG
VIỆN LÚA ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG

ĐC: Xã Tân Thạnh, Huyện Thới Lai, TP. Cần Thơ
ĐT: 0710. 3861386

Nguồn gốc

Tác giả: Nguyễn Thị Lang, Trịnh Thị Lũy, Lưu Thị Ngọc Huyền và Bùi Chí Bửu, Viện Lúa đồng bằng sông Cửu Long.

Giống lúa OM6071 được chọn tạo bắt đầu theo phương pháp lai cổ truyền kết hợp với marker phân tử từ microsatellite RM223 và RM42, kết hợp ba gen từ bố mẹ năng suất cao, mùi thơm, hàm lượng amylose thấp. Giống được chọn từ tổ hợp lai IR73689-76-2 /OM3536. Giống được công nhận giống sản xuất thử tại Quyết định số 457/QĐ-TT-CLT ngày 05 tháng 11 năm 2010.

Những đặc điểm chính

OM6071 có ưu điểm là giống ngắn ngày, có thời gian sinh trưởng từ 95-104 ngày. Chiều cao cây 100-110 cm, bông dài, số hạt chắc/bông khá cao từ 70-80 hạt. Khối lượng 1000 hạt khá cao từ 26-27g, được xếp vào nhóm hạt to đẹp. Chất lượng cơm ngon, mặt gạo đẹp, tỷ lệ bạc bụng thấp, hạt gạo thon dài 7,26 mm, hàm lượng amylose 23,7%, tỷ lệ gạo nguyên 54,2%. Có khả năng chống đổ, dạng hình đẹp, kháng trung bình đối với rầy nâu và đạo ôn từ cấp 3-5. Thích hợp với điều kiện thâm canh tại các tỉnh ĐBSCL, năng suất trung bình 5-8 tấn/ha.

Hướng sử dụng và yêu cầu kỹ thuật

Phát triển tốt ở hầu hết các tỉnh chịu ảnh hưởng của điều kiện phèn, mặn thuộc vùng đồng bằng sông Cửu Long, cho năng suất tương đối ổn định. Phân bón: Đợt 1 các loại phân nên áp dụng là urea, lân supe, DAP (trường hợp không bón lót), thời gian từ 5-7 ngày sau khi sạ; đợt 2 thời gian từ 15-25 ngày sau khi sạ: $1/2N-1/2P_2O_5-1/2K_2O$; đợt 3 thời gian từ 35-40 ngày sau khi sạ: Urea, DAP, KCl. Đón và rước đồng cho lúa bằng phân urea, có thể phun nitrat kali trước trổ và sau khi trổ đều.

Diễn hình đã áp dụng thành công

Đây là giống rất tốt và có khả năng chống chịu phèn tương đối khá, nên được đưa ra diện rộng để bổ sung vào cơ cấu giống tốt các tỉnh và các vùng khó khăn của đồng bằng sông Cửu Long và các tỉnh phía Nam.



ĐỊA CHỈ LIÊN HỆ

BỘ MÔN DI TRUYỀN VÀ CHỌN GIỐNG
VIỆN LÚA ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG

ĐC: Xã Tân Thạnh, Huyện Thới Lai, TP. Cần Thơ
ĐT: 0710. 3861386

GIỐNG LÚA OM8923

Nguồn gốc

Tác giả: Trần Thị Cúc Hòa và các cộng sự, Viện Lúa đồng bằng sông Cửu Long và Công ty cổ phần Bảo vệ thực vật An Giang.

Giống lúa OM8923 được tạo chọn bằng phương pháp biến dị soma từ nuôi cấy mô sẹo của giống OM4059 từ năm 2006. Giống được công nhận sản xuất thử tại Quyết định số 457/QĐ-TT-CLT, ngày 05/11/2010.

Những đặc điểm chính

OM8923 là giống lúa cao sản ngắn ngày (90-100 ngày). Chiều cao cây 100-105 cm, bông dài, số hạt/bông 100-120 hạt. Khối lượng 1000 hạt 27 g. Hạt gạo đẹp, trong, thon dài, ít bạc bụng, chiều dài hạt gạo 7,17 mm, hàm lượng amylose 23%, cơm mềm. Kháng rầy nâu, bệnh đạo ôn, ít bị bệnh vàng lùn-lùn xoắn lá và đặc biệt là rất sạch sâu bệnh trong vụ Hè Thu và không bị lem lép hạt. Chất lượng gạo đạt tiêu chuẩn xuất khẩu, năng suất cao và ổn định từ 6-8 tấn/ha vụ Đông Xuân, 5-6 tấn/ha vụ Hè Thu và có khả năng chịu mặn ở mức 0,3-0,4‰.

Hướng sử dụng và yêu cầu kỹ thuật

Mật độ sạ 100-120 kg/ha, khuyến cáo áp dụng thiết bị sạ theo hàng. Công thức phân bón đề nghị chung cho từng vùng đất như sau:

Mùa vụ/loại đất		Lượng phân (kg/ha)		
		N	P ₂ O ₅	K ₂ O
Vụ ĐX	- Đất phù sa	100-110	20-40	40-60
	- Đất phèn	80-100	40-60	40-60
Vụ HT	- Đất phù sa	80-100	40-60	40-60
	- Đất phèn	60-80	60-80	30-50

Giống lúa OM8923 hơi yếu rạ, để giúp cây lúa cứng và không đổ ngã nên rút nước giữa vụ và có thể bón bổ sung silic trong thời kỳ nuôi đồng.

Diễn hình đã áp dụng thành công

Đã được áp dụng thành công tại nhiều tỉnh ĐBSCL (Kiên Giang, An Giang, Tiền Giang, Đồng Tháp, Long An, Trà Vinh, Sóc Trăng, Bạc Liêu...) với diện tích canh tác trên 17.000 ha trong vụ Hè Thu 2010. Nhiều tỉnh ở phía Nam đã đưa giống OM8923 vào cơ cấu giống lúa của tỉnh.



ĐỊA CHỈ LIÊN HỆ

VIỆN LÚA ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG

ĐC: Xã Tân Thạnh, Huyện Thới Lai, TP. Cần Thơ
ĐT: 0710. 3861954

Nguồn gốc

Tác giả: Trần Thị Cúc Hòa và các cộng sự, Viện Lúa đồng bằng sông Cửu Long.

Giống lúa OM5451 được chọn tạo theo mục tiêu lúa giàu sắt và chất lượng cao từ tổ hợp lai Jasmine 85 x OM2490 từ năm 2003 theo phương pháp phả hệ. Giống được công nhận sản xuất thử tại Quyết định số 456/QĐ-TT-CLT ngày 05 tháng 11 năm 2010.

Những đặc điểm chính

OM5451 là giống lúa cao sản, ngắn ngày (90-95 ngày gieo sạ). Cứng cây, kháng đổ ngã, khả năng đẻ nhánh khỏe, chiều cao cây 100-110 cm, bông dài trung bình (23-25 cm), số hạt chắc/bông 70-80. Trọng lượng 1000 hạt 25-26 g.

Hạt gạo đẹp, thon dài ít bạc bụng, chiều dài hạt gạo 7,01-7,05 mm, tỷ lệ gạo nguyên đạt 55%, hàm lượng amylose 18%, cơm mềm. Chất lượng gạo đạt tiêu chuẩn xuất khẩu, đặc biệt có hàm sắt trong gạo cao (6,7-6,8 mg/kg gạo trắng). Có khả năng kháng trung bình rầy nâu và bệnh đạo ôn, ít bị bệnh vàng lùn-lùn xoắn lá. Giống thích nghi ở phù sa ngọt đến phù sa nhiễm phèn, đang sản xuất trên diện rộng ở 13 tỉnh ĐBSCL. Năng suất đạt 6-8 tấn/ha.

Hướng sử dụng và yêu cầu kỹ thuật

Mật độ sạ 100 -120 kg/ha, khuyến cáo áp dụng thiết bị sạ theo hàng. Công thức phân bón đề nghị chung cho từng vùng đất như sau.

Mùa vụ/loại đất		Lượng phân (kg/ha)		
		N	P ₂ O ₅	K ₂ O
Vụ ĐX	- Đất phù sa	100-110	20-40	40-60
	- Đất phèn	80-100	40-60	30-50
Vụ HT	- Đất phù sa	80-100	40-60	40-60
	- Đất phèn	60-80	60-80	30-50

Điển hình đã áp dụng thành công

Đã được áp dụng thành công tại nhiều tỉnh ĐBSCL (Kiên Giang, An Giang, Tiền Giang, Đồng Tháp, Long An, Trà Vinh, Sóc Trăng, Bạc Liêu, Bến Tre...).



ĐỊA CHỈ LIÊN HỆ

VIỆN LÚA ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG

ĐC: Xã Tân Thạnh, Huyện Thới Lai, TP. Cần Thơ
ĐT: 0710. 3861954

GIỐNG LÚA OM5464

Nguồn gốc

Tác giả: Huỳnh Thị Phương Loan và các cộng sự, Viện Lúa đồng bằng sông Cửu Long.

Giống lúa OM5464 được chọn tạo theo mục tiêu lúa giàu sắt và chất lượng cao từ tổ hợp lai OM3242/OM2490 từ năm 2003 theo phương pháp chọn lọc phả hệ. Giống được trồng thử nghiệm ở nhiều tỉnh ĐBSCL. Giống được công nhận sản xuất thử tại Quyết định số 456/QĐ-TT-CLT ngày 05 tháng 11 năm 2010.

Những đặc điểm chính

OM5464 là giống lúa cao sản, ngắn ngày (95-100 ngày), cứng thân, có bông dài trung bình từ 22-25cm, số hạt chắc/bông đạt từ 80-100. Khối lượng 1000 hạt đạt 24-25 g.

Hạt gạo đẹp, thon dài, ít bạc bụng, chiều dài hạt gạo 7,05-7,10 mm, tỷ lệ gạo nguyên đạt 50-55%, hàm lượng amylose 28%. Chất lượng gạo đạt tiêu chuẩn xuất khẩu, đặc biệt chống chịu mặn 4‰ và chịu hạn tốt, hàm lượng sắt tương đối cao (5 mg/kg đối với gạo trắng và 15 mg/kg đối với gạo lức).

Giống lúa OM5464 có khả năng kháng trung bình rầy nâu và bệnh đạo ôn, ít bị bệnh vàng lùn - lùn xoắn lá. Giống thích nghi ở phù sa ngọt đến phù sa nhiễm phèn mặn, đang sản xuất trên diện rộng ở 13 tỉnh ĐBSCL. Năng suất đạt 6-8 tấn/ha.

Hướng sử dụng và yêu cầu kỹ thuật

Mật độ sạ 100 -120kg/ha, khuyến cáo áp dụng thiết bị sạ theo hàng . Lượng phân bón theo mùa vụ và loại đất cho lúa cao sản ngắn ngày.

Mùa vụ/loại đất		Lượng phân (kg/ha)		
		N	P ₂ O ₅	K ₂ O
Vụ ĐX	- Đất phù sa	100-110	20-40	40-60
	- Đất phèn	80-100	40-60	30-50
Vụ HT	- Đất phù sa	80-100	40-60	40-60
	- Đất phèn	60-80	60-80	30-50

Diễn hình đã áp dụng thành công

Giống lúa OM5464 đã được áp dụng thành công tại nhiều tỉnh ĐBSCL (Sóc Trăng, Kiên Giang, An Giang, Tiền Giang, Đồng Tháp, Long An, Trà Vinh, Sóc Trăng, ...).



ĐỊA CHỈ LIÊN HỆ

VIỆN LÚA ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG

ĐC: Xã Tân Thạnh, Huyện Thới Lai, TP. Cần Thơ
ĐT: 0710. 3861954

Nguồn gốc

Tác giả: Phạm Thị Mùi và các cộng sự, Viện Lúa đồng bằng sông Cửu Long.

Giống lúa OM4101 được chọn tạo theo mục tiêu lúa thơm chất lượng cao từ tổ hợp lai OM997/IR56279//OM3536 từ năm 2001 theo phương pháp phả hệ. Giống được công nhận sản xuất thử tại Quyết định số 457/QĐ-TT-CLT ngày 05/11/2010.

Những đặc điểm chính

Thuộc nhóm giống lúa cực sớm (Ao), thời gian sinh trưởng 88-92 ngày, chiều cao 96 cm, cứng cây, lá đồng thẳng và ngắn, đẻ nhánh khá, bông chùm, hạt đóng khít (342 bông/m²), số hạt chắc/bông cao (136 hạt), khối lượng 1000 hạt 26,5 g. Hạt gạo dài 7,22 mm, tỷ lệ bạc bụng 2,5 %, mặt gạo trong và đẹp, tỷ lệ gạo lức là 79,1%, tỷ lệ gạo trắng 66,5%, tỷ lệ gạo nguyên 45,4%, hàm lượng amylose 23,5%, cơm dẻo, ngon, mềm khi để nguội và có mùi thơm nhẹ. Năng suất 4-6 tấn/ha trong vụ Hè Thu và 6-9 tấn/ha ở vụ Đông Xuân. Khả năng chống đổ tốt, chống chịu được rầy nâu trung bình, chống chịu được bệnh vàng lùn và lùn xoắn lá khá tốt, nhiễm nhẹ bệnh đạo ôn.

Hướng sử dụng và yêu cầu kỹ thuật

Giống lúa OM4101 thích hợp với chân đất phù sa ngọt ở ĐBSCL. Vụ Đông Xuân: Gieo sạ từ tháng 11 và thu hoạch tháng 2 năm sau, vụ Hè Thu sớm: Sạ từ tháng 3 và thu hoạch vào tháng 6, vụ Hè Thu muộn: Sạ từ tháng 6 và thu hoạch vào tháng 9.

Gieo sạ bằng công cụ sạ hàng với lượng lúa gieo sạ 80-100 kg/ha. Có thể làm mạ sân hoặc mạ trên ruộng để cấy, tuổi mạ từ 12-20 ngày tuổi, khoảng cách cấy 15x20 cm, cấy 2-3 tép/bụi.

Lượng phân bón hoá học được sử dụng cho mỗi hecta: Vụ Đông Xuân: 90N-30P₂O₅-50K₂O (kg/ha). Vụ Hè Thu: 80N-30P₂O₅-50K₂O (kg/ha). Lưu ý giống nhiễm nhẹ bệnh đạo ôn vì vậy cần chú ý bón phân cân đối và thăm đồng thường xuyên.

Diễn hình đã áp dụng thành công

Đã được áp dụng thành công tại các tỉnh ĐBSCL (Đồng Tháp, Cần Thơ, An Giang, Long An, Cà Mau, Sóc Trăng, Vĩnh Long, Tiền Giang, Kiên Giang, Bạc Liêu) và các tỉnh miền Đông Nam Bộ (Đồng Nai, Bình Thuận, Ninh Thuận) .



ĐỊA CHỈ LIÊN HỆ

VIỆN LÚA ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG

ĐC: Xã Tân Thạnh, Huyện Thới Lai, TP. Cần Thơ
ĐT: 0710. 3861954

GIỐNG LÚA OM6072

Nguồn gốc

Tác giả: Phạm Thị Mùi và các cộng sự, Viện Lúa đồng bằng sông Cửu Long.

Giống OM6072 được chọn tạo theo mục tiêu lúa thơm chất lượng cao từ tổ hợp lai JASMIN85/ST3 từ năm 2002 theo phương pháp phả hệ. Giống được công nhận sản xuất thử tại Quyết định số 457/QĐ-TT-CLT, ngày 05/11/2010.

Những đặc điểm chính

Giống lúa OM6072 có thời gian sinh trưởng 90-95 ngày (lúa sạ), 102-108 ngày (lúa cấy), chiều cao cây 105-108cm, số bông/m² 312-423 bông, số hạt chắc/bông 115-145 hạt, khối lượng 1000 hạt 27-28g. Năng suất cao và ổn định qua các vụ và vùng sinh thái đạt 4-6 tấn/ha (vụ Hè Thu) và 6-8 tấn/ha (vụ Đông Xuân). Tỷ lệ gạo lức 78,3%, tỷ lệ gạo trắng 65,1%, tỷ lệ gạo nguyên 48,0%, chiều dài hạt gạo 7,5mm, hàm lượng amylose 18-20%, mặt gạo trong, đẹp. Cơm dẻo, ngon, mềm khi để nguội và có mùi thơm tương đương giống Jasmine 85. Khả năng chống đổ tốt, chống chịu được rầy nâu và bệnh đạo ôn trung bình, chống chịu khá tốt với bệnh vàng lùn và lùn xoắn lá, nhiễm bệnh lem lép hạt ở vụ Hè Thu.

Hướng sử dụng và yêu cầu kỹ thuật

Giống lúa OM6072 thích hợp với chân đất phù sa ngọt ở ĐBSCL. Vụ Đông Xuân: Gieo sạ từ tháng 11 và thu hoạch tháng 2 năm sau, vụ Hè Thu sớm: Sạ từ tháng 3 và thu hoạch vào tháng 6, vụ Hè Thu muộn: Sạ từ tháng 6 và thu hoạch vào tháng 9. Gieo sạ bằng công cụ sạ hàng với lượng lúa gieo sạ 80-100 kg/ha. Có thể làm mạ sân hoặc mạ trên ruộng để cấy, tuổi mạ từ 12-20 ngày tuổi, khoảng cách cấy 15x20 cm, cấy 2-3 tép/bụi. Lượng phân bón hoá học được sử dụng cho mỗi hecta như sau: Vụ Đông Xuân: 90N-30P₂O₅-50K₂O (kg/ha), vụ Hè Thu: 80N-30P₂O₅-50K₂O (kg/ha). Lưu ý giống bị nhiễm bệnh lem lép hạt trong vụ Hè Thu vì vậy cần chú ý phòng ngừa.

Diễn hình đã áp dụng thành công

Đã được áp dụng thành công tại các tỉnh ĐBSCL (Đồng Tháp, Cần Thơ, An Giang, Long An, Cà Mau, Sóc Trăng, Vĩnh Long, Tiền Giang, Kiên Giang, Bạc Liêu) và các tỉnh miền Đông Nam Bộ (Đồng Nai, Bình Thuận, Ninh Thuận).



ĐỊA CHỈ LIÊN HỆ

VIỆN LÚA ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG

ĐC: Xã Tân Thạnh, Huyện Thới Lai, TP. Cần Thơ
ĐT: 0710. 3861954

Nguồn gốc

Tác giả: Phạm Thị Mùi và cộng sự, Viện Lúa đồng bằng sông Cửu Long.

Giống OM4218 được chọn tạo theo mục tiêu lúa chất lượng cao phẩm chất đạt tiêu chuẩn xuất khẩu từ tổ hợp lai OM2031/MTL250 từ năm 2001 theo phương pháp phả hệ. Giống được công nhận sản xuất thử tại Quyết định số 457/QĐ-TT-CLT, ngày 05/11/2010.

Những đặc điểm chính

Giống lúa OM4218 có thời gian sinh trưởng từ 88-92 ngày, chiều cao cây 93-95 cm, số bông/m² 352-416 bông, số hạt chắc/bông 120-138 hạt, khối lượng 1000 hạt 26,5-28 g. Tỷ lệ gạo lức 80,4%, tỷ lệ gạo trắng 72,8%, tỷ lệ gạo nguyên 54,9%, được nông dân rất ưa chuộng vì tỷ lệ xay chà rất cao. Chiều dài hạt gạo 7,10mm, rộng hạt gạo 2,10 mm, độ bạc bụng 3,1% mặt gạo trong, đẹp. Cơm dẻo, ngon, mềm khi để nguội. Năng suất cao và ổn định qua các vụ và vùng sinh thái (6-8 tấn/ha). Kháng rầy trung bình, nhiễm đạo ôn.

Hướng sử dụng và yêu cầu kỹ thuật

Thích hợp với chân đất phù sa ngọt ở ĐBSCL. Vụ Đông Xuân: Gieo sạ từ tháng 11 và thu hoạch tháng 2 năm sau, vụ Hè Thu sớm: Sạ từ tháng 3 và thu hoạch vào tháng 6, vụ Hè Thu muộn: Sạ từ tháng 6 và thu hoạch vào tháng 9. Gieo sạ bằng công cụ sạ hàng với lượng lúa gieo sạ 80-100 kg/ha. Có thể làm mạ sân hoặc mạ trên ruộng để cấy, tuổi mạ từ 12-20 ngày tuổi, khoảng cách cấy 15 x 20 cm, cấy 2-3 tép/bụi.

Lượng phân bón hoá học được sử dụng cho mỗi ha: Vụ Đông Xuân: 90N-30P₂O₅-50K₂O (kg/ha); vụ Hè Thu: 80N-30P₂O₅-50K₂O (kg/ha). Lưu ý giống nhiễm bệnh đạo ôn vì vậy cần chú ý bón phân cân đối và thăm đồng thường xuyên.

Điển hình đã áp dụng thành công

Giống lúa OM4218 đã được áp dụng thành công tại các tỉnh ĐBSCL (Đồng Tháp, Cần Thơ, An Giang, Long An, Cà Mau, Sóc Trăng, Vĩnh Long, Tiền Giang, Kiên Giang, Bạc Liêu) và các tỉnh miền Đông Nam Bộ (Đồng Nai, Bình Thuận, Ninh Thuận).



ĐỊA CHỈ LIÊN HỆ

VIỆN LÚA ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG

ĐC: Xã Tân Thạnh, Huyện Thới Lai, TP. Cần Thơ
ĐT: 0710. 3861954



GIỐNG LÚA PC6

Nguồn gốc

Tác giả: Lê Thị Thục, Nguyễn Tấn Hình, Trương Văn Kính, Nguyễn Trọng Khanh, Nguyễn Thị Miên, Viện Cây lương thực và Cây thực phẩm.

Giống PC6 được chọn tạo từ tổ hợp lai hữu tính N202/DT122 từ năm 2002 theo phương pháp phả hệ. Giống được công nhận giống chính thức tại Quyết định số 70/QĐ-TT-CLT ngày 14 tháng 03 năm 2011.

Những đặc điểm chính

Thời gian sinh trưởng: Vụ Xuân: 120-125 ngày, vụ Mùa: 90-95 ngày. Chiều cao cây: 90-95 cm, màu lá xanh nhạt, bông to, góc độ lá đồng nhỏ, hạt xếp xít, có màu vàng đậm, dạng hạt thon dài. Chiều dài hạt gạo 6,7mm, tỷ lệ dài/rộng 3,5. Khối lượng 1000 hạt 21-22g, số hạt/bông 150-160 hạt, tỷ lệ lép 10-18%. Chất lượng hạt tốt: Hạt gạo trong, không bạc bụng, cơm mềm, dẻo.

Giống PC6 có khả năng chịu rét khá, chống đổ trung bình, ít nhiễm đạo ôn, nhiễm nhẹ bạc lá và rầy nâu. Năng suất vụ Xuân 53-57 tạ/ha, vụ Mùa 50-55 tạ/ha.

Hướng sử dụng và yêu cầu kỹ thuật

Giống PC6 là giống lúa cực ngắn nên có thể tham gia được nhiều công thức luân canh để nâng cao hiệu quả kinh tế/đơn vị diện tích (1 lúa mùa + 3, 4 màu hoặc 2 lúa + 2 màu).

Thời vụ: Vụ Xuân gieo mạ từ 15/1-5/2, cấy khi mạ 4-5 lá thật; vụ Mùa tùy theo từng vùng làm cây vụ đông khác nhau mà bố trí thời vụ cho phù hợp, thời vụ cho phép từ 25/5-25/6, cấy tuổi mạ 18-20 ngày. Mật độ cấy 45-50 khóm/m², mỗi khóm 2-3 dảnh.

Lượng phân bón cho một sào Bắc Bộ (360m²): Phân chuồng 300-400kg, đạm 7-9kg, lân 15-20kg, kali 6-7kg. Bón lót toàn bộ phân chuồng + 100% lân + 40% đạm. Bón thúc khi lúa bén rễ hồi xanh: 50% đạm + 40% kali. Bón đón đồng: 10% đạm + 60% kali.

Điển hình đã áp dụng thành công

Giống PC6 đã được áp dụng thành công tại các tỉnh như Hải Dương, Hà Nội, Hưng Yên, Hải Phòng, Vĩnh Phúc, Hà Nam, Bắc Giang, Thái Bình, Thanh Hóa, Nghệ An, Quảng Trị, Quảng Nam, Quảng Ngãi và Bình Định.



ĐỊA CHỈ LIÊN HỆ

**TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU & PHÁT TRIỂN
LÚA THUẦN**
VIỆN CÂY LƯƠNG THỰC VÀ CÂY THỰC PHẨM

ĐC: Xã Liên Hồng, Huyện Gia Lộc, Tỉnh Hải Dương
ĐT: 0320. 3716928

Nguồn gốc

Tác giả: Nguyễn Văn Bích, Trần Duy Quý và cộng sự, Viện Di truyền Nông nghiệp, Viện KHNNVN.

Giống nếp DT22 được tạo ra từ tổ hợp lai Nếp Hoa Vàng đột biến ĐV2 x TK90. Giống được công nhận giống chính thức tại Quyết định số 605/QĐ-BNN-TT, ngày 13 tháng 12 năm 2010.

Những đặc điểm chính

TGST vụ Xuân 160-165 ngày, vụ Mùa 115-120 ngày tại vùng đồng bằng sông Hồng. Chiều cao cây 110-115cm, bông dài, số hạt/bông 100-120 hạt. Khối lượng 1000 hạt 27-28g, gạo thơm, tỷ lệ xay sát cao. Có khả năng chịu rét tốt, chống đổ trung bình, chống rụng hạt tốt; chống chịu khá với một số sâu bệnh hại chính như rầy nâu, bạc lá; có thể thâm canh ở mức trung bình. Năng suất trung bình 45-50 tạ/ha, nếu thâm canh cao có thể đạt 55 tạ/ha.

Hướng sử dụng và yêu cầu kỹ thuật

Thích hợp với chân đất vàn, vàn trũng. Trà Xuân chính vụ gieo 25/11-10/12, cấy khi mạ 4-6 lá thật. Vụ Mùa, gieo từ 10/6-20/6, cấy tuổi mạ 18-20 ngày.

Mật độ cấy 40-45 khóm/m², mỗi khóm 3-4 dảnh. Lượng phân bón cho một sào Bắc Bộ (360m²): Phân chuồng 400-500kg, đạm 5-6kg, lân 15-25kg, kali 6-8kg. Cách bón: Bón lót toàn bộ phân chuồng + lân + 40% đạm. Bón thúc khi lúa bén rễ hồi xanh: 50% đạm + 40% kali. Bón đón đồng: 10% đạm + 60% kali. Giống chịu thâm canh cao.

Điển hình đã áp dụng thành công

Giống nếp DT22 đã được áp dụng thành công tại vùng đồng bằng sông Hồng (Hải Dương, Hà Nội, Hưng Yên, Hải Phòng, Vĩnh Phúc, Hà Nam, Bắc Giang, Thái Bình).



ĐỊA CHỈ LIÊN HỆ

BỘ MÔN ĐỘT BIẾN VÀ ƯU THỂ LAI
VIỆN DI TRUYỀN NÔNG NGHIỆP

ĐC: Đường Phạm Văn Đồng, Từ Liêm, Hà Nội
ĐT: 04. 37540516

GIỐNG LÚA P6ĐB

Nguồn gốc

Tác giả: Hà Văn Nhân, Nguyễn Thành Luân, Lương Thị Hưng và CTV., Viện Cây lương thực và Cây thực phẩm, Viện KHNVN. P6ĐB được chọn lọc từ quần thể P6 được xử lý đột biến bằng Co60. Giống được Bộ Nông nghiệp & PTNT công nhận sản xuất thử tại Quyết định số 216/QĐ-TT-CLT ngày 12 tháng 5 năm 2011.

Đặc điểm chính

P6ĐB là giống lúa cực ngắn ngày. Thời gian sinh trưởng vụ Mùa: 75-80 ngày; vụ Xuân: 105-110 ngày. Chiều cao cây 85-90cm, có dạng hình gọn, thân đứng, lá có màu xanh đậm, tốc độ sinh trưởng và thời gian vào chắt đến chín hạt nhanh. Số hạt/bông đạt 115-150, tỷ lệ lép thấp 8-10%, khối lượng 1000 hạt 26-27g. Chất lượng gạo khá, chiều dài hạt gạo 7,12mm, hàm lượng amylose thấp 15,5%. Năng suất khoảng 50-55 tạ/ha, thâm canh tốt có thể đạt 61 tạ/ha. Giống có khả năng chịu rét, chịu nóng và chống đổ khá. Nhạy bệnh đạo ôn trong vụ Xuân.

Hướng sử dụng và yêu cầu kỹ thuật

Thích hợp chân đất vằn, vằn cao, hoặc chân đất làm vụ Đông sớm, chân đất làm mạ Mùa, vùng hay bị lũ sớm ở miền Trung, chân đất hay bị thiếu nước cuối vụ... hoặc làm giống dự phòng.

Vụ Xuân: Gieo sau lập xuân khoảng 10-30 ngày. Có thể gieo mạ sân hoặc gieo vãi, không gieo mạ được. Tuổi mạ 3-4 lá. Vụ Mùa: Gieo từ 25/5-25/7 (cho vùng đồng bằng Bắc Bộ). Mạ sân chỉ sau 7 ngày tuổi phải đưa ra cấy. Mật độ cấy 50-55 khóm/m², 2-3 dảnh/khóm.

Bón phân: P6ĐB là giống cực ngắn, sau khi gieo khoảng 28 ngày đã phân hoá đòng nên cần phải gieo vãi, hoặc cấy mạ non. Đồng thời phải chăm sóc, bón phân sớm theo quy trình để lúa đẻ tập trung, bông dài hơn. Nếu bón muộn thì năng suất sẽ thấp. Lượng phân bón cho 1 sào Bắc Bộ: Phân chuồng: 500 kg; phân đạm: Urea: 8-10 kg; supe lân: 15 kg; kali clorua: 8-10 kg. (Hoặc bón phân tổng hợp NPK thì càng tốt. Lượng bón căn cứ vào chất tác dụng ghi trên vỏ bao để tính toán cụ thể. Nên bón lót 100%, khoảng 25 kg/sào Bắc Bộ). Cách bón: Bón lót 100% phân chuồng + 100% supe lân + 80% urea + 80% kali (bón trước bữa cấy); Bón đòng đòng: Trước khi lúa phân hoá đòng 5 ngày (sau khi gieo 20 ngày): 20% urea + 20% kali; Bón nuôi hạt: Khi lúa trổ hoàn toàn nếu lúa xấu thì bón thêm 1 kg urea/sào. Có thể phun phân qua lá.

Chú ý vì lúa trổ sớm nên dễ bị chuột phá hại, phải quy vùng và chống chuột.

Diễn hình áp dụng thành công

Các tỉnh Hải Dương, Thái Bình, Bắc Giang, Hải Phòng, Quảng Bình...



ĐỊA CHỈ LIÊN HỆ

**TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU VÀ PHÁT TRIỂN
LÚA THUẦN**
VIỆN CÂY LƯƠNG THỰC VÀ CÂY THỰC PHẨM

ĐC: Xã Liên Hồng, Huyện Gia Lộc, Tỉnh Hải Dương
ĐT: 0320. 3714888; 0912 422854
Email: hanhancnhg@yahoo.com.vn

GIỐNG LÚA CHỊU HẠN CH208

Nguồn gốc

Tác giả: Nguyễn Tấn Hình, Trương Văn Kính, Trần Nguyên Thập, Vũ Thị Hằng, Phạm Hữu Chiến, Nguyễn Anh Dũng, Đỗ Thế Hiếu, Viện Cây lương thực và CTP.

Giống lúa chịu hạn CH208 được lai tạo và chọn lọc từ tổ hợp lai hữu tính Lúa mố C22//IR3880-3-1 từ năm 1997 theo phương pháp phả hệ. Giống được công nhận sản xuất thử tại Quyết định số 70/QĐ-TT-CLT, ngày 14/3/2011.

Những đặc điểm chính

Thời gian sinh trưởng: Vụ Mùa 120-125 ngày, vụ Xuân 160-165 ngày. Dạng hình cao cây, lá dày to, dài. Chiều dài bông 27-28 cm, đặc biệt là dạng hạt nhỏ dài đẹp (hạt gạo dài trung bình 7,3 mm, tỷ lệ dài/rộng 3,8), khối lượng 1000 hạt 25-26 g. Hạt gạo trong, ít bạc bụng, hàm lượng amylose thấp (15,2%), hàm lượng protein khá cao (9,39%); cơm dẻo, đậm, ngon.

Năng suất ổn định 45,0-55,0 tạ/ha trong điều kiện tưới nước bắp bệnh. Trong điều kiện chủ động nước có thể cho năng suất 57,0-60,0 tạ/ha.

Hướng sử dụng và yêu cầu kỹ thuật

CH208 có khả năng chịu hạn khá, chịu thâm canh khá, thích ứng với các chân ruộng bắp bệnh nước tại các tỉnh phía Bắc, Nam Trung Bộ và Tây Nguyên.

Vụ Xuân gieo mạ từ 10/12-30/12, cấy khi mạ 4-5 lá thật. Vụ Mùa gieo mạ từ 25/5-25/6, cấy tuổi mạ 18-20 ngày. Mật độ cấy 55-60 khóm/m², 2-3 dảnh/khóm. Lượng phân bón cho 1 sào Bắc Bộ (360 m²): Phân chuồng: 300-400 kg, urea: 8-10 kg, lân: 16-18 kg, kali: 6-8 kg. Nếu sử dụng phân NPK (16-16-8) thì dùng 15-18 kg/sào + 1-2 kg urea (bón lót 7-9 kg NPK, thúc lần 1: 4-5 kg NPK, số còn lại + 1-2 kg urea được bón thúc lần 2).

Diễn hình đã áp dụng thành công

Tại một số tỉnh phía Bắc, Nam Trung Bộ và Tây Nguyên.



ĐỊA CHỈ LIÊN HỆ

**TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU VÀ PHÁT TRIỂN
LÚA THUẦN**
VIỆN CÂY LƯƠNG THỰC VÀ CÂY THỰC PHẨM

ĐC: Xã Liên Hồng, Huyện Gia Lộc, Tỉnh Hải Dương
ĐT: 0320. 3716928

Nguồn gốc

Tác giả: Lê Vĩnh Thảo, Nguyễn Xuân Dũng, Nguyễn Duy Tiến, Nguyễn Thị Bích Hợp, Nguyễn Việt Hà, Mai Thị Hương, Trịnh Thị Vân, Bộ môn Chọn tạo giống lúa chất lượng và đặc sản, Trung tâm Nghiên cứu và Phát triển lúa thuần, Viện Cây lương thực và Cây thực phẩm.

Giống lúa HT9 được chọn tạo ra từ tổ hợp HT1/177 theo phương pháp chọn lọc phả hệ. Giống được Bộ Nông nghiệp & PTNT công nhận sản xuất thử tại Quyết định số 632 /QĐ-TT-CLT ngày 24/12/2010.

Đặc điểm chính

Thời gian sinh trưởng ngắn 105-110 ngày trong vụ Mùa, 130-135 ngày trong vụ Xuân. Cao cây 100-110 cm, đẻ nhánh trung bình đạt 5-6 bông hữu hiệu/khóm, tỷ lệ hạt chắc cao 90%, gạo trong, cơm mềm và có mùi thơm. Chống chịu với sâu bệnh khá: Đạo ôn (1-3), bạc lá (1-3), khô vằn (3), chịu rét (1-3).

Năng suất cao hơn hẳn đối chứng (BT7), vượt giống đối chứng (HT1) từ 200-300 kg/ha trong khảo nghiệm quốc gia. Năng suất thực thu trên diện rộng đạt 55-65 tạ/ha, khả năng đạt trên 7 tấn/ha.

Hướng sử dụng và yêu cầu kỹ thuật

Thích hợp trên đất vằn, vằn cao, thâm canh, chủ động tưới tiêu; gieo cấy cả vụ Xuân và vụ Mùa. Vụ Xuân có thể gieo mạ được trà xuân muộn từ 20/1 đến 5/2. Cấy sau lập xuân, đối với mạ được cần cấy kết thúc sớm tránh mạ già, mạ sên cấy tuổi mạ 12-15 ngày. Vụ Mùa bố trí trà mùa sớm gieo từ 5/6 đến 25/6, tuổi mạ được 15-16 ngày, tuổi mạ sên 10-12 ngày. Cấy mật độ: 45 50 khóm/m², mỗi khóm 2-3 dảnh. HT9 có thể dùng gieo sạ với lượng 50-60 kg/ha, có thể sạ lan hoặc sạ hàng bằng máy.

Lượng phân bón cho 1 sào Bắc Bộ (360 m²): Phân chuồng 300-400 kg, đạm urea 7-8 kg, lân supe 15-20 kg và kali clorua 7-8 kg. Cách bón: Nền bón nặng đầu nhẹ cuối; bón lót toàn bộ phân chuồng + lân + 40% đạm trước khi bừa cấy; bón thúc khi lúa bén rễ hồi xanh (sau cấy 10-15 ngày) 50% đạm + 40% kali kết hợp với làm cỏ sục bùn. Bón đón đòng khi lúa đứng cái, bón hết lượng đạm và kali còn lại.

Diễn hình đã áp dụng thành công

Giống HT9 đã được gieo trồng các tỉnh Quảng Trị, Hà Tĩnh, Thanh Hóa, Hưng Yên, Bắc Giang, Vĩnh Phúc, Bắc Ninh,... Trong vụ Xuân và vụ Mùa năm 2009, diện tích gieo trồng đã lên trên 1.300 ha.



ĐỊA CHỈ LIÊN HỆ

**BỘ MÔN CHỌN TẠO GIỐNG LÚA
CHẤT LƯỢNG & ĐẶC SẢN**
TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU VÀ PHÁT TRIỂN LÚA THUẦN

ĐC: Xã Vĩnh Quỳnh, Huyện Thanh Trì, Hà Nội.

ĐT: 04. 38611522; 0913 005497; 0912 973232

E-mail: dung.ricevietnam@gmail.com.

GIỐNG LÚA LAI 2 DÒNG HYT108

Nguồn gốc

Tác giả: Nguyễn Trí Hoàn, Lê Hùng Phong, Lê Diệu My, Trịnh Thị Liên, Nguyễn Thị Hoàng Oanh, Trần Như Thanh, Nguyễn Văn Năm, Nguyễn Văn Thư và CTV., Trung tâm Nghiên cứu và Phát triển lúa lai, Viện Cây lương thực và Cây thực phẩm.

HYT108 là giống lúa lai hệ 2 dòng phát triển từ tổ hợp lai AMS 30S/R100. Giống được Bộ Nông nghiệp & PTNT công nhận cho sản xuất thử tại Quyết định số 605/QĐ-TT-CLT ngày 13/12/2010.

Đặc điểm chính

Thời gian sinh trưởng ngắn: Vụ Xuân 120-130 ngày, vụ Mùa 100-105 ngày. Chiều cao cây 95-100 cm. Đẻ nhánh khoẻ, bộ lá xanh vừa, góc lá đứng, khả năng chống đổ, chịu rét tốt. Số bông hữu hiệu khá, khối lượng 1000 hạt từ 24-25 g. Năng suất đạt 70-78 tạ/ha (vụ Xuân) và 65-70 tạ/ha trong vụ Mùa. Khả năng chống chịu khá tốt với một số sâu bệnh hại chính như đạo ôn (điểm 1-3), bạc lá (điểm 3-5), khô vằn (điểm 3-5), rầy nâu. Khả năng sản xuất hạt lai F1 thuận lợi hơn các giống lúa lai F1 hệ 3 dòng.

Hướng sử dụng và yêu cầu kỹ thuật

Gieo trồng được cả 2 vụ Xuân và Mùa, có ưu thế hơn trong vụ Mùa, phù hợp với chân đất vằn, vằn cao, trên chân đất 3 vụ/năm.

Vụ Xuân: Gieo mạ từ 25/1-5/2. Gieo mạ nền đất cứng hoặc trên sân, xung quanh lập xuân. Chú ý che phủ nilon để chống rét. Cấy khi nhiệt độ không khí trên 16°C. Tuổi mạ nền 2-3 lá, mạ được 5,0-5,5 lá. Vụ Mùa: Gieo trà Mùa sớm 1-5/6, trà Mùa trung từ 10-20/6 (vùng ven biển có thể gieo cấy muộn hơn để hạn chế bệnh bạc lá). Tuổi mạ được 15-18 ngày; mạ sân hoặc nền đất cứng 7-8 ngày.

Mật độ cấy 36 - 40 khóm/m², 1-2 cây mạ/khóm. Cấy nông tay, thẳng hàng. Lượng phân bón: Vụ Xuân 10 tấn PC + 150N + 90P₂O₅ + 120K₂O/ha; vụ Mùa 10 tấn PC + 120N + 90P₂O₅ + 120K₂O/ha. Cách bón: Bón lót toàn bộ phân chuồng, phân lân và 40% đạm; bón thúc 50% đạm + 40% kali, bón khi lúa bén rễ hồi xanh.

Diễn hình áp dụng thành công

Các tỉnh phía Bắc như Thanh Hoá, Nam Định, Hưng Yên, Thái Nguyên, Yên Bái...



ĐỊA CHỈ LIÊN HỆ

TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU & PHÁT TRIỂN LÚA LAI

ĐC: Xã Vĩnh Quỳnh, Huyện Thanh Trì, Hà Nội
ĐT: 04. 36875583; 04. 36875037

GIỐNG LÚA CHẤT LƯỢNG XT27

Nguồn gốc

Tác giả: Tạ Minh Sơn, Lê Quốc Thanh, Trần Văn Tứ, Lại Đình Hòe, Nguyễn Thị Tuyết và CTV., Bộ môn Chọn tạo giống lúa chất lượng và đặc sản, Trung tâm Nghiên cứu và Phát triển lúa thuần, Viện Cây lương thực và Cây thực phẩm.

Giống lúa XT27 được chọn tạo từ quần thể giống lúa Hương thơm 1 (HT1) đang phân ly vụ Xuân 2005. Dòng thuần HT1 vỏ trấu màu vàng sáng, ký hiệu 54. HT1 vàng sáng 3 được chọn và phát triển thành giống sản xuất thử từ vụ Xuân 2008 và được đặt tên là XT27. Giống XT27 còn có tên khác là SH2.

Những đặc điểm chính

Thời gian sinh trưởng vụ Mùa sớm 107-115 ngày (miền Bắc), Hè Thu 105-110 ngày (miền Trung); Xuân muộn 128-135 ngày (miền Bắc), 125-130 ngày (miền Trung).

Cao cây 95-110 cm. Đẻ khỏe và có số bông hữu hiệu cao hơn KD18, có 260-300 bông/m², tỷ lệ lép từ 12-14%, khối lượng 1000 hạt 22,5-23,0 g. Chống chịu sâu bệnh khá, chưa thấy đổ trong điều kiện thâm canh. Năng suất trung bình vụ Mùa, Hè Thu 56,0 tạ/ha, vụ Xuân 60 tạ/ha. Năng suất cao có thể đạt 80-90 tạ/ha. Chất lượng gạo tốt, cơm ngon, dẻo, đậm, có mùi thơm nhẹ.

Hướng sử dụng và yêu cầu kỹ thuật

Thích hợp với trà Xuân muộn, Mùa sớm và Hè Thu trên chân đất hai lúa một màu, chân vằn, vằn cao. Trà Xuân muộn gieo mạ dày sục, mạ sân xung quanh 15/1, cấy xung quanh lập xuân 5/2. Cấy khi mạ 3-4 lá hoặc tuổi mạ 12-15 ngày. Vụ Hè Thu gieo mạ dày sục 10-20/5, cấy cuối tháng 5 đầu tháng 6, tuổi mạ 15-17 ngày. Vụ Mùa sớm (miền Bắc) gieo cuối tháng 5 đầu tháng 6, mạ sân hoặc mạ dày sục, tuổi mạ 12-15 ngày. Mật độ cấy 40-50 khóm/m², mỗi khóm 2-3 dảnh.

Phân bón: 10 tấn phân chuồng, 90N, 60P₂O₅, 60K₂O. Nguyên tắc bón phân là bón nặng đầu nhẹ cuối. Tùy theo loại đất có thể chia ra 2-3 lần để bón. Bón lót toàn bộ phân chuồng và phân lân; Bón thúc sau cấy lúa bén chân: 1/3 phân đạm, 1/3 phân kali; Bón thúc đẻ: 2/3 phân đạm và 1/3 phân kali; Số phân kali còn lại bón thúc đồng.

Diễn hình đã áp dụng thành công

Giống XT27 đã được nhiều địa phương gieo trồng, diễn hình như các tỉnh Bắc Giang, Bắc Ninh, Vĩnh Phúc, Hải Dương, Hà Nội, Hà Tĩnh, Quảng Bình, Quảng Trị,... Hiện nay diện tích gieo trồng giống XT27 trên 2000 ha.



ĐỊA CHỈ LIÊN HỆ

**BỘ MÔN CHỌN TẠO GIỐNG LÚA
CHẤT LƯỢNG & ĐẶC SẢN**
TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU VÀ PHÁT TRIỂN LÚA THUẦN

ĐC: Xã Vĩnh Quỳnh, Huyện Thanh Trì, Hà Nội

ĐT: 04. 38611522; 0913 005497; 0912 973232

E-mail: dung.ricevietnam@gmail.com

GIỐNG LÚA CHỊU HẠN CH207

Nguồn gốc

Tác giả: Nguyễn Tấn Hình, Nguyễn Trọng Khanh, Vũ Thị Hằng, Phạm Hữu Chiến, Nguyễn Anh Dũng, Đỗ Thế Hiếu, Viện Cây lương thực và CTP, Viện KHNNVN.

Giống lúa chịu hạn CH207 được lai tạo và chọn lọc từ tổ hợp lai Lúa nương Hà Giang/NN75-6 từ năm 1995 theo phương pháp phả hệ. Giống được công nhận sản xuất thử tại Quyết định số 220/QĐ-TT-CLT ngày 8 tháng 10 năm 2008.

Những đặc điểm chính

Thời gian sinh trưởng: Vụ Mùa 120-125 ngày, vụ Xuân 160-165 ngày. Dạng hình cây cứng, gọn, lá đứng hơi ngấn, màu xanh đậm. Chiều dài bông 22-24 cm, số hạt/bông đạt 135-150, hạt to dài, tỷ lệ D/R = 2,9; khối lượng 1000 hạt 26-27g, hàm lượng amylose 25,5%, hàm lượng protein 9,19%; cơm mềm, đậm, ngon.

Có khả năng chịu rét ở giai đoạn mạ và sau cấy, chống đổ tốt, có khả năng chống chịu khá với một số sâu bệnh hại chính. Năng suất ổn định 45,0-55,0 tạ/ha trong điều kiện bấp bênh về nước. Trong điều kiện chủ động nước có thể cho năng suất 57,0-65,0 tạ/ha.

Hướng sử dụng và yêu cầu kỹ thuật

Chịu thâm canh khá, thích hợp gieo cấy ở các vùng trung du miền núi phía Bắc và miền Trung, đặc biệt những nơi có điều kiện tưới tiêu không chủ động, bấp bênh về nước.

Vụ Xuân gieo mạ từ 10/12-30/12, cấy khi mạ 4-5 lá thật. Vụ Mùa gieo mạ từ 25/5-25/6, cấy tuổi mạ 18-20 ngày. Mật độ cấy 55 - 60 khóm/m², 2-3 dảnh/khóm.

Lượng phân bón cho 1 sào Bắc Bộ (360 m²): Phân chuồng: 300-400 kg, urea: 8 - 10 kg, lân: 16-18 kg, kali: 6-8 kg. Bón lót toàn bộ phân chuồng + 100% lân + 50% kali + 30% urea. Bón thúc: Lần 1: (bón sau khi cây lúa bén rễ hồi xanh) 40% urea; lần 2: Bón khi cây lúa phân hóa đồng, 30% urea + 50% kali. Nếu sử dụng phân NPK (16-16-8) thì dùng 15-18 kg/sào + 1-2 kg urea (bón lót 7-9 kg NPK, thúc lần 1: 4-5 kg NPK, số còn lại + 1-2 kg urea được bón thúc lần 2).



ĐỊA CHỈ LIÊN HỆ

**TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU & PHÁT TRIỂN
LÚA THUẦN**
VIỆN CÂY LƯƠNG THỰC VÀ CÂY THỰC PHẨM

ĐC: Xã Liên Hồng, Huyện Gia Lộc, Tỉnh Hải Dương
ĐT: 0320. 3716 928

GIỐNG LÚA LAI HAI DÒNG LHD6

Nguồn gốc

Tác giả: Hà Văn Nhân, Nguyễn Thành Luân, Nguyễn Trí Hoàn và CTV, Viện Cây lương thực và Cây thực phẩm, Viện KHNNVN.

Giống LHD6 là tổ hợp lai 2 dòng giữa dòng mẹ bất dục đực (TGMS) H20 và dòng bố RT9. Giống được công nhận sản xuất thử tại Quyết định số 166/QĐ-TT-CLT ngày 31 tháng 5 năm 2010.

Những đặc điểm chính

Thời gian sinh trưởng: Vụ Xuân 130-135 ngày; vụ Mùa 100-105 ngày. Chiều cao cây 90-95 cm. Bộ lá to, dày, đứng, cứng. Khả năng chống đổ tốt, chịu phân cao, thích ứng rộng. Số hạt/bông từ 220-250 hạt, tỷ lệ lép 12%. Khối lượng 1000 hạt 27g. Chiều dài hạt gạo từ 7,0-7,5mm, hàm lượng amylose 19,4-20,6%, cơm dẻo trung bình, tỉ lệ gạo xát 72%.

Khả năng kháng rầy nâu cao, chống chịu khá với một số sâu bệnh hại chính như đạo ôn, bạc lá. Năng suất vụ Xuân có thể đạt 7,0-8,0 tấn/ha, vụ Mùa khoảng 6,0-6,5 tấn/ha.

Hướng sử dụng và yêu cầu kỹ thuật

Thích hợp cho các chân đất tốt ở vùng đồng bằng sông Hồng, các tỉnh Bắc Trung Bộ. Vụ Xuân gieo trước lập xuân khoảng 5-7 ngày. Có thể gieo mạ sên, mạ dợt hoặc gieo vãi. Cấy mạ 3-4 lá. Vụ Mùa gieo từ 5/6-25/6 tùy nhu cầu gieo trồng cây vụ Đông của từng địa phương. Mật độ cấy khoảng 40 khóm/m², cấy nông tay, 2 dảnh/khóm.

Phân bón cho một sào Bắc Bộ: Phân chuồng 500 kg, phân đạm urea 8-12 kg + 10-14 kg NPK tổng hợp, phân lân supe 15-20 kg, phân kali clorua 12-15kg. Bón lót bón trước khi cấy: 100% phân chuồng + 100% lân + 60% đạm + 60% kali + 100% NPK. Bón thúc đẻ nhánh khi lúa hồi xanh 10% đạm và 10% kali. Bón đón đòng trước khi lúa phân hoá đòng 5 ngày 20% đạm + 20% kali. Bón nuôi hạt khi lúa trở hoàn toàn bón 10% đạm + 10% kali. Có thể phun phân qua lá khi bộ rễ hoạt động kém trên các chân đất ngập nước thường xuyên.

Điển hình đã áp dụng thành công

Giống LHD6 đã được áp dụng thành công tại Hải Dương, Ninh Bình, Bắc Giang, Thái Bình, Thanh Hóa, Quảng Bình và Sơn La.



ĐỊA CHỈ LIÊN HỆ

**TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU & PHÁT TRIỂN
LÚA THUẦN**
VIỆN CÂY LƯƠNG THỰC VÀ CÂY THỰC PHẨM

ĐC: Xã Liên Hồng, Huyện Gia Lộc, Tỉnh Hải Dương
ĐT: 0320. 3714888

Nguồn gốc

Tác giả: Lê Thị Thục, Nguyễn Tấn Hình, Trương Văn Kính, Nguyễn Trọng Khanh, Nguyễn Thị Miên. Viện Cây lương thực và Cây thực phẩm, Viện KHNNVN.

Giống lúa PC10 được chọn ra từ tổ hợp lai Khang dân 18/ MTL195. Giống được công nhận sản xuất thử tại Quyết định số 220/QĐ-TT-CLT ngày 08 tháng 10 năm 2008.

Những đặc điểm chính

TGST vụ Xuân 130-135 ngày, vụ Mùa 105-110 ngày tại vùng ĐBSH. Chiều cao cây 85-95cm, bông dài, số hạt/bông 135-145 hạt. Khối lượng 1000 hạt 21g. Chiều dài hạt gạo 7mm, hàm lượng amylose 23-24%, tỷ lệ gạo nguyên đạt 75%, cơm dẻo trung bình.

Có khả năng chịu rét, chống đổ khá, chống rụng hạt tốt; chống chịu khá với một số sâu bệnh hại chính như đạo ôn, bạc lá, đặc biệt có khả năng kháng rầy cao, có thể thâm canh cao. Năng suất đạt 5,5-7,0 tấn/ha. Trong điều kiện thâm canh tốt đạt trên 8,0 tấn/ha/vụ (tại Ninh Thuận đạt 9,0 tấn/ha).

Hướng sử dụng và yêu cầu kỹ thuật

Giống PC10 thích hợp với chân đất vằn, vằn cao. Vụ Xuân: Gieo 15/1-15/2, cấy khi mạ 4 - 5 lá thật. Vụ Mùa, gieo từ 1/6-10/6, cấy tuổi mạ 18-20 ngày. Mật độ cấy 45-50 khóm/m², mỗi khóm 2-3 dảnh.

Lượng phân bón cho một sào Bắc Bộ (360m²): Phân chuồng 400-500kg, đạm 7-9kg, lân 15-20kg, kali 7-8kg. Bón lót toàn bộ phân chuồng + lân + 40% đạm. Bón thúc khi lúa bén rễ hồi xanh: 50% đạm + 40% kali. Bón đón đòng: 10% đạm + 60% kali. Giống chịu thâm canh cao.

Diễn hình đã áp dụng thành công

Giống PC10 đã được áp dụng thành công tại vùng ĐBSH (Hải Dương, Hà Nội, Hải Phòng, Vĩnh Phúc, Hà Nam, Bắc Giang, Thái Bình); vùng Trung Bộ (Thanh Hóa, Nghệ An, Quảng Trị, Quảng Nam, Ninh Thuận).



ĐỊA CHỈ LIÊN HỆ

**TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU & PHÁT TRIỂN
LÚA THUẦN**
VIỆN CÂY LƯƠNG THỰC VÀ CÂY THỰC PHẨM

ĐC: Xã Liên Hồng, Huyện Gia Lộc, Tỉnh Hải Dương
ĐT: 0320. 3716928

GIỐNG LÚA DT45

Nguồn gốc

Tác giả: Phạm Ngọc Lương và các cộng sự, Viện Di truyền Nông nghiệp, Viện KHNNVN.

Giống DT45 được chọn tạo bằng phương pháp lai truyền thống kết hợp công nghệ sinh học. Con lai BC1F1 tổ hợp lai giữa MT 508-1 với IRBB5 sau khi xác định bằng chỉ thị phân tử đưa vào nuôi cấy bao phấn thu được dòng đơn bội kép DT45. Giống được Bộ Nông nghiệp và PTNT công nhận sản xuất thử tại Quyết định số 451/QĐ-BNN-TT, ngày 02/11/2010 .

Những đặc điểm chính

TGST vụ Xuân 135-140 ngày, vụ Mùa 110-115 ngày tại vùng đồng bằng sông Hồng. Chiều cao cây 115-120cm, bông dài, số hạt/bông 200-300 hạt. Khối lượng 1000 hạt 24g.

Giống DT45 có gạo trắng ngà, ít bạc bụng, chiều dài hạt gạo 5,5-6 mm, hàm lượng amylose 24%, tỷ lệ gạo nguyên đạt 75%, cơm hơi mềm. Giống có khả năng chịu rét khá, chống đổ tốt, chống rụng hạt tốt; chống chịu khá với một số sâu bệnh hại chính như đạo ôn, rầy nâu, bạc lá; chịu thâm canh cao, đạt năng suất trung bình 7,0 – 8,0 tấn/ha, trong điều kiện thâm canh tốt đạt trên 9 tấn/ha/vụ.

Hướng sử dụng và yêu cầu kỹ thuật

Giống DT45 thích hợp với chân đất vằn, vằn trũng. Vụ Xuân muộn gieo 10-15/1, cấy 5-10/2. Vụ Mùa sớm, gieo từ 10-15/6, tuổi mạ 13-15 ngày.

Mật độ cấy 40-45 khóm/m², mỗi khóm 2 dảnh. Lượng phân bón cho một sào Bắc Bộ (360m²) : Phân chuồng 400-500kg, đạm 9-10kg, lân 15-20kg, kali 7-8kg. Cách bón: Bón lót toàn bộ phân chuồng + lân + 40% đạm. Bón thúc khi lúa bén rễ hồi xanh: 50% đạm + 40% kali . Bón đón đòng: 10% đạm + 60% kali.

Diễn hình áp dụng thành công

Đã áp dụng thành công tại các tỉnh miền Bắc (Hà Nam, Hà Nội, Nam Định, Thái Bình, Phú Thọ, Bắc Giang, Thái Nguyên, Yên Bái, Hà Giang).



ĐỊA CHỈ LIÊN HỆ

BỘ MÔN ĐỘT BIẾN VÀ ƯU THỂ LAI
VIỆN DI TRUYỀN NÔNG NGHIỆP

ĐC: Đường Phạm Văn Đồng, Từ Liêm, Hà Nội
ĐT: 04. 37540516

Nguồn gốc

Tác giả: Nguyễn Viết Cường, Trần Thị Hồng Thắm, Nguyễn Thị Hiền, Hoàng Văn Bằng, Lý Thị Thu Hồng, Nguyễn Văn Cảnh và Nguyễn Thị Thùy Linh, Trung tâm Nghiên cứu và Phát triển nông nghiệp Đồng Tháp Mười thuộc Viện Khoa học Kỹ thuật Nông nghiệp miền Nam.

Giống ĐTM192 được chọn tạo theo mục tiêu lúa chất lượng từ tổ hợp lai DS2001/OMCS2000 từ năm 2001 theo phương pháp phả hệ. Giống được Bộ Nông nghiệp và PTNT công nhận sản xuất thử tại Quyết định số 630/QĐ-TT-CLT, ngày 23 tháng 12 năm 2010.

Đặc điểm chính

Thời gian sinh trưởng vụ Đông Xuân 83-85 ngày, vụ Hè Thu 86-87 ngày. Chiều cao cây 90-95cm, cứng cây. Hạt chắc/bông từ 60-70 hạt, khối lượng 1000 hạt 25-26g. Năng suất Đông Xuân đạt 5,5-6,3 tấn/ha; Hè Thu 3,3-4,2 tấn/ha. Tỷ lệ gạo nguyên cao 65,5%, tỷ lệ gạo trắng là 71,5%, hạt gạo đẹp, trong, thon dài, cơm mềm, thơm nhẹ.

Giống có khả năng chịu phèn tốt, dạng hình khá, nhiễm nhẹ rầy nâu (cấp 3-5), đạo ôn (3-5).

Hướng sử dụng và yêu cầu kỹ thuật

Giống ĐTM192 thích hợp tốt với đất phèn, đất xám. Liều lượng phân bón: Trên đất xám: 90N-60P₂O₅-60K₂O; Trên đất phèn trung bình: 90N-60P₂O₅-60K₂O; Trên đất phèn nặng: 85N-90P₂O₅-60K₂O.

Đây là giống có thời gian sinh trưởng tương đối ngắn ngày nên bón phân sớm. Lót: 100% lân nung chảy (hoặc 50% lân supe; đợt 1 thúc 50% lân supe); Thúc 1, 8-10 ngày sau sạ: 40%N + 50%K₂O; Thúc 2, 18-20 ngày sau sạ: 30% N; Thúc 3, 40-45 ngày sau sạ: 30%N + 50%K₂O.

Diễn hình đã áp dụng thành công

Giống ĐTM192 đã được áp dụng thành công tại vùng Đồng Tháp Mười (Long An, Tiền Giang, Đồng Tháp); vùng Đông Nam Bộ (Bình Thuận, Ninh Thuận).



ĐỊA CHỈ LIÊN HỆ

**TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU VÀ PHÁT TRIỂN
NÔNG NGHIỆP ĐỒNG THÁP MƯỜI**

ĐC: Xã Bình Tân, Huyện Mộc Hóa, Tỉnh Long An
ĐT: 072. 3951820; 3951821

GIỐNG LÚA ĐTM126

Nguồn gốc

Tác giả: Nguyễn Viết Cường, Trần Thị Hồng Thắm, Nguyễn Thị Hiền, Hoàng Văn Bằng, Lý Thị Thu Hồng, Nguyễn Văn Cảnh và Nguyễn Thị Thùy Linh, Trung tâm Nghiên cứu và Phát triển nông nghiệp Đồng Tháp Mười thuộc Viện Khoa học Kỹ thuật Nông nghiệp miền Nam.

Giống ĐTM126 được chọn tạo theo mục tiêu lúa chất lượng từ tổ hợp lai DS2001/MTL250 từ năm 2001 theo phương pháp phả hệ. Giống được Bộ Nông nghiệp và PTNT công nhận sản xuất thử tại Quyết định số 630/QĐ-TT-CLT, ngày 23 tháng 12 năm 2010.

Những đặc điểm chính

Thời gian sinh trưởng vụ Đông Xuân 83-85 ngày, vụ Hè Thu 87-90 ngày. Chiều cao cây 100-105cm. Hạt chắc/bông từ 80-90 hạt, khối lượng 1000 hạt 27-28g. Năng suất Đông Xuân đạt 6,0-7,0 tấn/ha; Hè Thu 3,5-4,5 tấn/ha. Tỷ lệ gạo nguyên cao 50,2%, dài hạt 7,12mm, độ trắng 43,6%, hạt gạo đẹp, trong, thon dài, cơm mềm, thơm nhẹ.

Giống có khả năng chịu phèn tốt, dạng hình khá, hơi yếu cây,... nhiễm nhẹ rầy nâu (cấp 3-5), hơi kháng đạo ôn (1-3).

Hướng sử dụng và yêu cầu kỹ thuật

Thích hợp tốt với đất phèn, đất xám. Liều lượng phân bón 1 ha: Trên đất xám: 90N-60P₂O₅-60K₂O; Trên đất phèn trung bình: 90N-60P₂O₅-60K₂O; Trên đất phèn nặng: 85N-90P₂O₅-60K₂O.

Đây là giống có thời gian sinh trưởng tương đối ngắn ngày nên bón phân sớm. Lót: 100% lân nung chảy (hoặc 50% lân supe; đợt 1 thúc 50% lân supe); Thúc 1, 8-10 ngày sau sạ: 40%N + 50%K₂O; Thúc 2, 18-20NSS: 30% N; Thúc 3, 40-45 NSS: 30%N + 50%K₂O.

Điển hình đã áp dụng thành công

Giống ĐTM126 đã được áp dụng thành công tại vùng Đồng Tháp Mười (Long An, Tiền Giang, Đồng Tháp); vùng Đông Nam Bộ (Bình Thuận, Ninh Thuận).



ĐỊA CHỈ LIÊN HỆ

TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP ĐỒNG THÁP MƯỜI

ĐC: Xã Bình Tân, Huyện Mộc Hóa, Tỉnh Long An
ĐT: 072. 3951820; 3951821

Nguồn gốc

Tác giả: Đào Minh Sô, Đỗ Khắc Thịnh và cộng sự, Viện KHKTNN miền Nam. Giống LC227 được chọn từ dòng IR68703-AC-24-1 trong bộ giống IURON-2000 theo chương trình hợp tác và trao đổi nguồn gen lúa quốc tế (INGER). Giống đã được công nhận giống sản xuất thử tại Quyết định số 358 QĐ-BNN-TT ngày 20 tháng 09 năm 2010.

Những đặc điểm chính

Thời gian sinh trưởng 100-115 ngày ở vùng đồng bằng và trung du, 120-125 ngày ở cao nguyên.

Chiều cao 100-115 cm, thân lớn, cứng rạ, sinh trưởng mạnh, tầng lá trên thẳng, tầng lá gốc ngang thuận lợi trong cạnh tranh cỏ dại; chống chịu đạo ôn và chịu hạn tốt (cấp 1-3). Là giống thâm canh, đẻ nhánh ít (3-6 bông/bụi), cho nhiều hạt/bông (90-120 hạt), khối lượng 1000 hạt 31-33 g.

Năng suất trong khoảng 3-6 tấn/ha, có chất lượng tốt, bạc bụng trung bình (cấp 5), hàm lượng amylose trung bình thấp (19-20%), protein cao (9,2-9,5%), cơm mềm, dẻo.

Hướng sử dụng và yêu cầu kỹ thuật

Khả năng thích ứng rộng, có thể thâm canh trên đất cạn hoàn toàn, xen với cây nhiều năm (cao su, cà phê,), thích ứng với chân ruộng cao thiếu nước, đất trèn ở vùng trung du và cao nguyên.

Gieo hốc/hàng 60-70 kg/ha; gieo rải theo hàng 80-100 kg; gieo vãi 120-150 kg. Công thức phân khoáng 1ha: 60-100 kg N + 50-60 kg P_2O_5 + 30 kg K_2O . Bón lót 100% lân + hữu cơ (nếu có); bón thúc lần 1: Sau mọc 8-12 ngày, 30% đạm + 40% kali; bón thúc lần 2: Sau mọc 25-30 ngày, bón 40% đạm; bón thúc đồng: Sau mọc 50-60 ngày (khi lúa có tim đèn), bón 30% đạm và 60% kali. Xịt thêm phân bón lá trên đất xấu, lúa xấu ở các thời điểm quan trọng như: Đẻ nhánh, làm đồng, trổ bông.

Điển hình đã áp dụng thành công

Giống LC227 đã được khảo nghiệm và áp dụng thành công tại nhiều nơi ở Tây Nguyên (Đắk Lắk, Gia Lai, Đắk Nông), Đông Nam Bộ (Đồng Nai, Bình Phước) và các tỉnh Trung Bộ (Quảng Nam, Quảng Ngãi, Phú Yên).



ĐỊA CHỈ LIÊN HỆ

**PHÒNG NGHIÊN CỨU
DI TRUYỀN VÀ CHỌN GIỐNG CÂY TRỒNG
VIỆN KHKT NÔNG NGHIỆP MIỀN NAM**

ĐC: 121 Nguyễn Bình Khiêm, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

ĐT: 08. 39104024; 0903 307170

Email: so.dm@iasvn.org; daominh36@yahoo.com

GIỐNG LÚA CẠN LC408

Nguồn gốc

Tác giả: Đào Minh Sô, Đỗ Khắc Thịnh và cộng sự, Viện KHKTNN miền Nam. Giống LC408 được chọn từ dòng IR65258-13-1-B trong bộ giống IURON-2004 theo chương trình hợp tác và trao đổi nguồn gen lúa quốc tế (INGER). Giống đã được công nhận giống sản xuất thử tại Quyết định số 358 QĐ-BNN-TT ngày 20 tháng 09 năm 2010.

Những đặc điểm chính

Thời gian sinh trưởng: 110-120 ngày ở vùng đồng bằng và trung du, 122-128 ngày ở cao nguyên.

Chiều cao 95-115 cm, dạng hình đẹp, thân lớn, cứng rạ, cường lực sinh trưởng mạnh, tầng lá trên thẳng, tầng lá gốc ngang thuận lợi trong cạnh tranh cỏ dại; chống chịu đạo ôn và chịu hạn tốt (cấp 1-3).

Giống thâm canh, đẻ nhánh ít (5-8 bông/bụi), cho nhiều hạt/bông (120-150 hạt), khối lượng 1000 hạt 23-25 g, năng suất trong khoảng 3-6 tấn/ha. Giống có chất lượng tốt, hàm lượng amylose trung bình (21-23%), protein khá (8,3-8,7%), cơm mềm, xốp, ngon miệng, được người tiêu dùng ưa thích.

Hướng sử dụng và yêu cầu kỹ thuật

Khả năng thích ứng rộng, có thể thâm canh trên đất cạn hoàn toàn, xen với cây nhiều năm (cao su, cà phê) giai đoạn kiến thiết cơ bản, thích ứng với chân ruộng cao thiếu nước, đất trền ở vùng trung du và cao nguyên.

Mật độ gieo hạt thích hợp cho 1ha: Gieo hốc/hàng 60-70 kg; gieo rải theo hàng 80-100 kg; gieo vãi 120-150 kg. Công thức phân khoáng 1ha: 60-100 kg N + 50-60 kg P_2O_5 + 30 kg K_2O . Bón lót 100% lân + hữu cơ (nếu có); bón thúc lần 1: Sau mọc 8-12 ngày, 30% đạm + 40% kali; bón thúc lần 2: Sau mọc 25-30 ngày, bón 40% đạm; bón thúc đồng: Sau mọc 55-65 ngày (khi lúa có tim đèn), bón 30% đạm và 60% kali. Xịt thêm phân bón lá trên đất xấu, lúa xấu ở các thời điểm quan trọng như: Đẻ nhánh, làm đồng, trổ bông.

Điển hình đã áp dụng thành công

Giống LC408 đã được khảo nghiệm và áp dụng thành công tại nhiều nơi ở Tây Nguyên (Đắk Lắk, Gia Lai, Đắk Nông), Đông Nam Bộ (Đồng Nai, Bình Phước) và các tỉnh Trung Bộ (Quảng Nam, Quảng Ngãi, Phú Yên).



ĐỊA CHỈ LIÊN HỆ

**PHÒNG NGHIÊN CỨU
DI TRUYỀN VÀ CHỌN GIỐNG CÂY TRỒNG
VIỆN KHKT NÔNG NGHIỆP MIỀN NAM**

ĐC: 121 Nguyễn Bình Khiêm, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

ĐT: 08. 39104024; 0903 307170

Email: so.dm@iasvn.org; daominh36@yahoo.com

Nguồn gốc

Tác giả: Bùi Mạnh Cường, Ngô Hữu Tình, Ngô Thị Minh Tâm, Nguyễn Hương Lan và cộng sự. Viện Nghiên cứu Ngô, Viện KHNN Việt Nam.

LVN885 là giống lai đơn được tạo ra từ tổ hợp lai C88N x T5. Dòng C88N được rút dòng từ giống lai CP999 theo phương pháp lai nội phối và chọn lọc phả hệ; dòng T5 được rút dòng từ tổ hợp lai Cargill777 theo phương pháp tự phối. Giống được Bộ Nông nghiệp và PTNT công nhận chính thức tại Quyết định số 416/QĐ-TT-CLT ngày 13 tháng 10 năm 2010.

Đặc điểm chính

TGST ngắn 110-115 ngày. Chiều cao cây 175-185 cm; cao đóng bắp 75-85 cm. Chiều dài bắp 16-18 cm; đường kính bắp 4,0-4,8 cm; số hàng hạt/bắp 12-14; tỷ lệ hạt/bắp 77-80%; khối lượng 1000 hạt 260-270g. Lá bi dày, độ che phủ kín. Bộ lá xanh bền, chịu thâm canh cao. Chống chịu sâu bệnh và đổ gãy khá. Dạng hạt bán đá, màu vàng cam đẹp. Tiềm năng năng suất: 65-70 tạ/ha.

Hướng dẫn kỹ thuật

Khả năng thích ứng tương đối rộng, có thể gieo trồng ở vụ Đông muộn vùng đồng bằng Bắc Bộ, vụ Xuân trên đất bỏ hóa, vụ Hè Thu, vụ Thu Đông ở các tỉnh miền núi phía Bắc.

Thời vụ gieo trồng: Vụ Xuân 20/1-20/2; vụ Đông 25/8-30/9. Mật độ gieo trồng 5,3-5,7 vạn cây/ha, khoảng cách gieo 65 x 20-25 cm. Phân bón cho 1ha: 10-15 tấn phân chuồng hoặc 2500 kg phân vi sinh; 250-300 kg đạm urea; 400-500 kg supe lân; 120-150 kg kali clorua.

Diễn hình đã áp dụng thành công

Đang được sản xuất tại nhiều địa phương.



ĐỊA CHỈ LIÊN HỆ

VIỆN NGHIÊN CỨU NGÔ

ĐC: Đan Phượng, Hà Nội
ĐT: 04. 33886927; 0912 300967

GIỐNG NGÔ LAI ĐƠN VN112

Nguồn gốc

Tác giả: La Đức Vực, Phạm Văn Ngọc, Trần Văn Sỹ và các cộng sự, Viện Khoa học Kỹ thuật Nông nghiệp miền Nam, Viện KHNNVN.

Giống ngô lai đơn VN112 đã được lai tạo và tuyển chọn trên cơ sở của 25 thí nghiệm khảo sát, khảo nghiệm cơ bản, 54 điểm khảo nghiệm sản xuất và 348 ha trình diễn trên ruộng nông dân tại các tỉnh Đồng Nai, Đắk Lắk, Kon Tum, Lâm Đồng và Bình Định.

Giống được Bộ Nông nghiệp và PTNT công nhận cho sản xuất thử tại Quyết định số 250/QĐ-TT-CLT ngày 24 tháng 12 năm 2007.



Đặc điểm chính

Thời gian sinh trưởng từ 88-92 ngày ở Đông Nam Bộ, từ 95-97 ngày ở Tây Nguyên. Khả năng sinh trưởng nhanh, cứng cây, ít đổ ngã. Dạng hình cây khá đẹp, bộ lá gọn, xanh lâu tàn. Nhiễm nhẹ bệnh cháy lá và bệnh khô vằn. Bắp to, đều, tỷ lệ hạt/bắp 76-78%. Năng suất đạt trung bình từ 6,4-8,8 tấn/ha. Hạt dạng đá, màu vàng cam đẹp.

Hướng sử dụng và yêu cầu kỹ thuật

Trồng được cả 3 vụ trong năm, tại các tỉnh phía Nam.

Mật độ trồng thích hợp 57-71 ngàn cây/ha, khoảng cách 50x30cm hoặc 60x25cm. Lượng phân bón cho một ha: Phân hữu cơ 5-10 tấn/ha; phân vô cơ: 180-210N + 80P₂O₅ + 100K₂O. Bón lót toàn bộ phân chuồng + lân + 1/4 lượng đạm. Bón thúc lần 1 sau gieo 10-15 ngày: 1/4 đạm + 1/3 kali; Bón thúc lần 2 sau gieo 25-30 ngày: 1/4 đạm + 1/3 kali; Bón thúc lần 3 sau gieo 40-45 ngày: 1/4 đạm và 1/3 kali còn lại.

Diễn hình đã áp dụng thành công

Đã được áp dụng thành công tại Đức Trọng (Lâm Đồng); CưM'gar, EaSup, EaKar (Đắk Lắk); Tân Phú, Định Quán, Thống Nhất, Trảng Bom và Xuân Lộc (Đồng Nai); Tánh Linh, Đức Linh (Bình Thuận); Hoài Nhơn (Bình Định).



ĐỊA CHỈ LIÊN HỆ

TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU THỰC NGHIỆM NÔNG NGHIỆP HƯNG LỘC

ĐC: Xã Hưng Thịnh, Huyện Trảng Bom, Tỉnh Đồng Nai
ĐT: 061. 3868402; 3868556; 3868279

Nguồn gốc

Tác giả: Lê Văn Hải, Mai Xuân Triệu và Nguyễn Thị Hồng. Viện Nghiên cứu Ngô, Viện KHNN Việt Nam.

LVN66 là giống lai đơn do Viện Nghiên cứu Ngô chọn tạo, được Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn công nhận cho sản xuất thử tại Quyết định số 161/QĐ-TT-CLT ngày 4 tháng 6 năm 2009.



Đặc điểm chính

TGST ở phía Bắc, vụ Xuân: 110-115 ngày, vụ Thu Đông: 95-105 ngày;

Ở phía Nam, vụ Xuân Hè: 85-90 ngày, vụ Hè Thu: 90-95 ngày, vụ Đông Xuân 95-105 ngày. Chiều cao cây: 190-210 cm. Cao đống bắp: 90-110 cm. Chiều dài bắp: 18-20 cm; đường kính bắp: 4,5-5,5 cm; số hàng hạt/bắp: 14-16; số hạt/hàng: 36-40; khối lượng 1000 hạt: 300-310 g; tỷ lệ hạt/bắp: 78-80%. Lá bi mỏng, độ che phủ kín. Chống chịu sâu bệnh và đổ gãy khá, chịu hạn. Năng suất từ 8-12 tấn/ha, ổn định ở các mùa vụ và các vùng sinh thái.

Hướng dẫn sử dụng và yêu cầu kỹ thuật

Trồng được cả 3 vụ ở các tỉnh phía Nam và vụ Xuân; Thu Đông ở các tỉnh phía Bắc. Mật độ: 6,5-7,0 vạn cây/ha, khoảng cách: 60 x 23-25 cm. Phân bón cho 1ha: Phân hữu 10 tấn, đạm urea 300-350 kg, lân supe 400-500 kg, kali clorua 160-180 kg. Bón lót toàn bộ phân chuồng và phân lân trước khi gieo hạt. Bón thúc 3 lần: Lần 1 khi ngô 3-5 lá, bón 1/3 lượng urea + 1/2 lượng kali; Lần 2 khi ngô 8-9 lá, bón 1/3 lượng urea + 1/2 lượng kali; Lần 3 trước khi ngô trổ 5-7 ngày, bón nốt 1/3 lượng urea.

Điển hình đã áp dụng thành công

Đang được sản xuất thử tại nhiều địa phương.



ĐỊA CHỈ LIÊN HỆ

VIỆN NGHIÊN CỨU NGÔ

ĐC: Đan Phượng, Hà Nội

ĐT: 04. 33886213; 04. 33639282; 0912 075095; 0913 037210

GIỐNG NGÔ LVN146

Nguồn gốc

Tác giả: Bùi Mạnh Cường, Ngô Thị Minh Tâm, Ngụy Hương Lan, Nguyễn Văn Trường, Đoàn Thị Bích Thảo và cộng sự. Viện Nghiên cứu Ngô, Viện KHNN Việt Nam.

Giống LVN146 là giống lai đơn được tạo ra từ tổ hợp lai C89N x C7N. Dòng mẹ C89N được rút dòng từ giống CP999; dòng bố C7N được tạo ra bằng kỹ thuật nuôi cấy bao phấn từ tổ hợp C919 x AC24. Giống được Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn công nhận cho sản xuất thử tại Quyết định số 159/QĐ-TT-CLT ngày 28 tháng 5 năm 2010.

Đặc điểm chính

TGST ngắn, vụ Xuân: 110-118 ngày, vụ Đông: 100-113 ngày. Chiều cao cây 210-230 cm; cao đóng bắp 95-100 cm. Chiều dài bắp 16-20 cm; đường kính bắp 4,0-4,8 cm; số hàng hạt/bắp 12-14; tỷ lệ hạt/bắp 68-73%; khối lượng 1000 hạt 270-280g. Lá bi dày, độ che phủ kín. Bộ lá xanh bền, chịu thâm canh cao. Chống chịu sâu bệnh và đổ gãy khá. Dạng hạt bán răng ngựa, màu vàng cam đẹp. Tiềm năng năng suất: 60-110 tạ/ha.

Hướng dẫn kỹ thuật

Khả năng thích ứng tương đối rộng với các vùng trồng ngô trên cả nước: Vụ Xuân: 20/1-20/2; vụ Đông: 5/9-30/9.

Mật độ gieo trồng 5,3-5,7 vạn cây/ha, khoảng cách gieo 70 cm x 30 cm hoặc 70 cm x 25 cm và 65 cm x 30 cm. Phân bón cho 1ha: 10-15 tấn phân chuồng hoặc 2500 kg phân vi sinh; 250-300 kg đạm urea; 400-500 kg supe lân; 120-150 kg kali clorua.

Điển hình đã áp dụng thành công

Đang được sản xuất thử tại nhiều địa phương



ĐỊA CHỈ LIÊN HỆ

VIỆN NGHIÊN CỨU NGÔ

ĐC: Đan Phượng, Hà Nội
ĐT: 04. 33886927; 0912 300967

Nguồn gốc

Tác giả: Mai Xuân Triệu và cộng sự, Viện Nghiên cứu Ngô, Viện KHNN Việt Nam.

LVN68 là giống ngô lai đơn do Viện Nghiên cứu Ngô lai tạo, được Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn công nhận cho sản xuất thử năm 2010.

Đặc điểm chính

Thuộc nhóm trung ngày, sinh trưởng khỏe, bộ lá xanh bền, chống chịu khá, khả năng thích ứng rộng, có tiềm năng cho năng suất cao và có thể trồng cả 3 vụ (Hè Thu, Thu Đông và Đông Xuân) ở các tỉnh phía Nam.

TGST vụ Hè Thu: 86-90 ngày, Thu Đông 90-95 ngày, vụ Đông Xuân 95-105 ngày. Chiều cao cây: 190-210 cm; cao đóng bắp: 90-95 cm; chiều dài bắp: 17-18 cm; đường kính bắp: 4,3-5,0 cm; số hàng hạt/bắp: 14-16; số hạt /hàng: 36-38; khối lượng 1000 hạt: 310-340 g. Lá bì mỏng, bao kín bắp. Năng suất từ 8-11 tấn/ha, ổn định ở các mùa vụ và vùng sinh thái.

Hướng sử dụng và yêu cầu kỹ thuật

Mật độ gieo 6,6 vạn cây/ha, khoảng cách 60 cm x 25 cm. Lượng phân bón cho 1 ha: Phân chuồng 7-10 tấn hoặc 2,0-2,5 tấn phân hữu cơ vi sinh. Đạm urea: 400-450 kg, supe lân: 600-800 kg, phân kali: 250-300 kg.

Chú ý LVN68 là giống chịu thâm canh vì vậy cần chăm sóc sớm, bón phân đầy đủ và kịp thời mới cho năng suất cao.

Diễn hình đã áp dụng thành công

Đang được sản xuất thử tại nhiều địa phương.



ĐỊA CHỈ LIÊN HỆ

VIỆN NGHIÊN CỨU NGÔ

ĐC: Đan Phượng, Hà Nội

ĐT: 04. 33886356; Fax: 04. 33886309

GIỐNG NGÔ NẾP LAI LSB4

Nguồn gốc

Tác giả: Lương Văn Vàng, Vũ Văn Dũng, Kiều Xuân Đàm và cộng tác viên; Viện Nghiên cứu Ngô, Viện Khoa học Nông nghiệp Việt Nam.

LSB4 là giống lai không quy ước, được tạo ra từ các nguồn vật liệu: Giống ngô nếp thụ phấn tự do VN2 (Viện Nghiên cứu Ngô) và dòng NTQ2 (rút dòng từ giống ngô nếp địa phương Tuyên Quang). Giống được Bộ Nông nghiệp và PTNT công nhận cho sản xuất thử tại Quyết định số 193/QĐ-TT-CLT ngày 26 tháng 8 năm 2008.

Đặc điểm chính

Độ đồng đều khá, cao cây, sinh trưởng khoẻ. Năng suất rất cao, chất lượng ngon, ngọt, dẻo, thơm. Chống đổ và chịu rét tốt, nhiễm bệnh lá nhẹ.

TGST thuộc nhóm chín trung bình sớm: Vụ Xuân 105-115 ngày, vụ Thu: 80-85 ngày, vụ Đông 90-100 ngày. Cao cây 185-210 cm; cao đóng bắp 85-100 cm, số lá: 17-18 lá; dạng hạt đá, màu trắng đục; đường kính bắp: 4,0-4,5 cm; số hàng hạt/bắp: 12-14 hàng; chiều dài bắp: 14-15 cm; năng suất bắp tươi có thể đạt 120-150 tạ/ha, hạt khô 45-60 tạ/ha.

Hướng sử dụng và yêu cầu kỹ thuật

Thích ứng với các vùng trồng ngô ở các tỉnh phía Bắc ở nhiều thời vụ. Rất phù hợp với vụ Đông trên đất 2 lúa và vụ Xuân tại các vùng đồng bằng và ven đô thị trồng làm ngô quả ăn tươi.

Thời vụ: Vụ Xuân: 25 /1-15/2; vụ Thu: 15/7-10/8; vụ Đông: Trước 10/10. Mật độ 6,2-6,5 vạn cây/ha, khoảng cách: 60 cm x 25 cm. Phân bón cho 1 ha: Phân hữu cơ: 10-12 tấn; urea: 250-300 kg; supe lân: 400-450 kg; KCl: 100-120 kg. Cách bón: Bón lót toàn bộ phân chuồng và phân lân. Bón thúc: Lần 1 khi cây từ 3 - 4 lá, gồm 1/3 đạm + 1/2 kali; Lần 2 khi cây từ 7-9 lá, gồm 1/3 đạm + 1/2 kali còn lại; Lần 3 khi cây xoáy nõn, bón nốt lượng đạm còn lại. Chăm sóc cần chú ý tưới nước trước và sau trổ 20 ngày. Rắc Basudin 10H vào nõn ngô khi được 9 lá và giai đoạn xoáy nõn để phòng trừ sâu đục thân.

Thu ăn tươi hoặc chế biến đóng hộp sau khi ngô thụ phấn xong 18-20 ngày.

Diễn hình đã áp dụng thành công

Tại Kim Bảng, Hà Nam; Bình Xuyên, Vĩnh Phúc; Đông Anh, Hà Nội; Yên Thế, Bắc Giang; TX. Phú Thọ, Phú Thọ; Nho Quan, Ninh Bình; Kim Bôi, Hoà Bình; Thái Bình; Hà Giang; Cao Bằng...



ĐỊA CHỈ LIÊN HỆ

**TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU & SẢN XUẤT GIỐNG NGÔ
SÔNG BÔI, HÒA BÌNH**

ĐT: 0218. 3874233

GIỐNG NGÔ NẾP LAI SỐ 1

Nguồn gốc

Tác giả: Phan Xuân Hào, Nguyễn Thị Nhài và cộng sự. Viện Nghiên cứu Ngô, Viện KHNN Việt Nam.

Nếp lai số 1 là giống lai đơn do Viện Nghiên cứu Ngô chọn tạo, được Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn công nhận cho sản xuất thử tại Quyết định số 161/QĐ-TT-CLT ngày 4 tháng 6 năm 2009.

Đặc điểm chính

Độ đồng đều cao về cây và bắp, tỷ lệ cây vô hiệu rất thấp (1-2%). TGST ngắn, vụ Xuân: 95-98 ngày, vụ Hè Thu: 75-80 ngày. Chiều cao cây: 185-210 cm; cao đóng bắp: 75-85 cm. chiều dài bắp: 14-18 cm; đường kính bắp: 4-4,5 cm; số hàng hạt/bắp: 12-16; số hạt/hàng: 25-30; khối lượng 1000 hạt: 220-250g; tỷ lệ hạt/bắp: 75-80%. Lá bì dày, độ che phủ kín. Chống chịu sâu bệnh và đổ gãy khá. Tiềm năng năng suất: Bắp tươi 90-110 tạ/ha; hạt khô 45-65 tạ/ha. Chất lượng ăn tươi ngon, hạt màu trắng, dẻo, thơm đậm.

Hướng sử dụng và yêu cầu kỹ thuật

Trồng được nhiều vụ trong năm, vụ Đông ở miền Bắc có thể làm bầu đến 15/10. Mật độ: 5,5-6,5 vạn cây/ha, khoảng cách: 60 x 25-30 cm. Phân bón cho 1ha: Phân hữu cơ 10 tấn; đạm urea: 250 kg; lân supe: 350-400 kg; kali clorua: 120-150 kg. Thu bắp tươi nên bón sớm và tập trung.

Chú ý trồng cách ly với ngô tẻ về thời gian hoặc không gian để đảm bảo chất lượng. Thu hoạch bắp tươi sau khi phun râu từ 18-20 ngày.

Diễn hình đã áp dụng thành công

Đang được sản xuất thử tại nhiều địa phương



ĐỊA CHỈ LIÊN HỆ

VIỆN NGHIÊN CỨU NGÔ

ĐC: Đan Phượng, Hà Nội

ĐT: 04. 33886214; 0913 552252; 0974 399314

GIỐNG NGÔ ĐƯỜNG LAI 10

Nguồn gốc

Tác giả: Nguyễn Văn Thu, Lê Quý Kha, Phan Xuân Hào, Nguyễn Thị Nhài, Nguyễn Tiến Trường, Châu Ngọc Lý và Trần Thị Bích Liên; Viện Nghiên cứu Ngô, Viện Khoa học Nông nghiệp Việt Nam.

Đường lai 10 là giống lai đơn, dòng mẹ (TD1) có nguồn gốc từ Thái Lan được cải tạo với nguồn bi-color trong nước, dòng bố (HD4) tạo ra từ một giống đường lai nhập nội. Giống được Bộ Nông nghiệp và PTNT công nhận cho sản xuất thử tại Quyết định số 416/QĐ-TT-CLT ngày 13 tháng 10 năm 2010.

Đặc điểm chính

Thuộc nhóm ngô thực phẩm, dùng để ăn tươi hoặc chế biến đông lạnh xuất khẩu. Thời gian từ gieo trồng đến ngày thu hoạch bắp tươi ở vụ Hè Thu, vụ Thu và vụ Đông sớm từ 68-70 ngày, ở vụ Xuân 80-82 ngày. Chiều cao cây trung bình 158-178cm, chiều cao đóng bắp 50-70cm, hạt màu vàng tươi, đường kính bắp 4,8-6,0cm, 16-18 hàng hạt/bắp, 38-45 hạt/hàng, hàm lượng đường (%Brix) từ 15-16%, mỏng vỏ, hương thơm, vị đậm đặc trung.

Năng suất bắp tươi đạt 18-20 tấn/ha trong điều kiện thâm canh đủ nước tưới, thích ứng rộng với điều kiện sinh thái của các vùng trồng ngô trên cả nước. Giống có khả năng chống đổ gãy, đặc biệt chịu cả nhiệt độ cao và nhiệt độ thấp.

Hướng sử dụng và yêu cầu kỹ thuật

Giống ngô Đường lai 10 có thể gieo trồng nhiều vụ trong năm, vụ Đông ở miền Bắc có thể làm bầu trước 15 tháng 10. Để đảm bảo chất lượng, cần gieo trồng cách ly về thời gian hoặc không gian, tránh lẫn phấn các loại ngô khác.

Mật độ gieo trồng cho bán bắp tươi: 4,8-5,3 vạn cây/ha, khoảng cách gieo 60 x 32-35cm; làm nguyên liệu cho nhà máy chế biến 5,3-5,7 vạn cây/ha (60 x 29-32cm).

Chú ý: Chỉ giữ lại bắp thứ nhất, tĩa bỏ hết bắp 2 ngay khi ngô phun râu (có thể tận dụng làm ngô rau). Thu hoạch đúng thời điểm, khi đạt hàm lượng đường cao nhất, khoảng 20 -25 ngày sau tung phấn).

Điển hình đã áp dụng thành công

Đường lai 10 đã sản xuất thử thành công tại Hà Nội, Hải Dương, Thái Bình, Hà Nam, Hòa Bình, Hưng Yên, Thanh Hóa, Lào Cai, Đồng Nai và CHDCND Lào.



ĐỊA CHỈ LIÊN HỆ

VIỆN NGHIÊN CỨU NGÔ

ĐC: Đan Phượng, Hà Nội

ĐT: 04. 33886927; 0912 300967

GIỐNG NGÔ LAI ĐƠN V-118

Nguồn gốc

Tác giả: Trần Kim Định, Nguyễn Hữu Đức và các cộng sự, Viện Khoa học Kỹ thuật Nông nghiệp miền Nam.

Giống V-118 là giống ngô lai đơn giữa hai dòng thuần (D34 x D14). Dòng D14 là dòng thuần đời S8 được chọn tạo từ nguồn gen chín sớm của CIMMYT. Dòng D34 là dòng thuần đời S7 có nguồn gốc từ tổ hợp ngô lai 7120. Giống V-118 được công nhận giống chính thức tại Quyết định số 271/QĐ-TT-CLT ngày 3 tháng 8 năm 2010.

Những đặc điểm chính

Thời gian sinh trưởng vụ Hè Thu và Thu Đông 87-92 ngày, vụ Đông Xuân 95-100 ngày tại vùng Đông Nam Bộ. Vụ Hè Thu và Thu Đông 95-105 ngày và vụ Đông Xuân 110-120 ngày tại Tây Nguyên. Chiều cao cây 180-240cm, chiều cao đòng trái 80-120cm. Dạng hình đẹp, bộ lá còn xanh khi thu hoạch, ít đổ ngã và chịu hạn tương đối tốt, nhiễm sâu bệnh nhẹ. Tỷ lệ hạt/trái 76-79%, khối lượng 1000 hạt 310g. Hạt màu vàng cam, dạng hạt đá và nửa đá.

Giống V-118 là giống ngô lai đơn ngắn ngày, năng suất cao ổn định tương đương các giống lai phổ biến như C.919, G-49, NK67. Trong vụ Đông Xuân và điều kiện thâm canh cao đạt 10-12 tấn/ha.

Hướng sử dụng và yêu cầu kỹ thuật

Thích hợp trồng ở ba vụ Hè Thu, Thu Đông và Đông Xuân ở Đông Nam Bộ và Tây Nguyên. Vụ Hè Thu gieo cuối tháng 4 đầu tháng 5 (khi có mưa), vụ Thu Đông gieo cuối tháng 8 đầu tháng 9, vụ Đông Xuân (vùng chủ động nước tưới) gieo trong tháng 12 và chậm nhất trước 10/1 (dương lịch). Giống chịu thâm canh cao.

Mật độ gieo 57.000-61.000 cây/ha trong vụ Hè Thu và Thu Đông, riêng vụ Đông xuân gieo mật độ 71.400 cây/ha (70cm x 20cm). Lượng phân bón cho 1 ha: Phân hữu cơ vi sinh 500-1000kg, DAP 200-250kg, urea 250-270kg, kali 150-200kg. Cách bón: Bón lót toàn bộ phân hữu cơ vi sinh và DAP; Bón thúc chia đều 3 lần đối với phân urea và kali: Vùng Đông Nam Bộ: Lần 1 (10-15 ngày sau gieo), lần 2 (25-30 ngày sau gieo) và lần 3 (40-45 ngày sau gieo). Vùng Tây Nguyên: Lần 1 (15-20 ngày sau gieo), lần 2 (30-35 ngày sau gieo) và lần 3 (45-50 ngày sau gieo).

Điển hình đã áp dụng thành công

Giống V-118 đã được áp dụng thành công tại vùng Đông Nam Bộ (Đồng Nai và Bà Rịa-Vũng Tàu); vùng Tây Nguyên (Lâm Đồng, Đắk Lắk và Gia Lai).



ĐỊA CHỈ LIÊN HỆ

PHÒNG NGHIÊN CỨU CÂY THỨC ĂN GIA SÚC
VIỆN KHOA HỌC KỸ THUẬT NÔNG NGHIỆP MIỀN NAM

ĐC: 121 Nguyễn Bình Khiêm, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh
ĐT: 08. 39101703

GIỐNG KHOAI LANG KLC266

Nguồn gốc

Tác giả: TS. Nguyễn Thế Yên, KS. Đỗ Thu Trang và cộng sự, Viện Cây lương thực và Cây thực phẩm.

Giống khoai lang KLC266 được tuyển chọn từ nguồn tập đoàn khoai lang nhập nội do Trung tâm Khoai tây Quốc tế (CIP) cung cấp năm 2005. Giống được công nhận sản xuất thử tại Quyết định số 268/QĐ-TT-CLT ngày 31 tháng 5 năm 2011.

Những đặc điểm chính

Thời gian sinh trưởng: Vụ Xuân 135-150 ngày; vụ Thu Đông: 120 ngày. Giống khoai lang KLC266 là giống ruột vàng chất lượng cao, lá xẻ thùy sâu, thân màu tím, sinh trưởng phát triển tốt, có khả năng tái sinh cao, giống có tiềm năng năng suất củ khá cao đạt 18-20 tấn/ha, củ thuôn dài, dạng củ đẹp, vỏ củ có màu đỏ hồng, ruột củ màu vàng, chất lượng củ ăn tươi rất ngon: Bở, ngọt và thơm, được người tiêu dùng rất ưa chuộng.

Hướng sử dụng và yêu cầu kỹ thuật

Có thể trồng trên một số chân đất có thành phần cơ giới nhẹ, cát pha, thịt nhẹ (đất có lúa, chuyên màu, đồi núi, cát ven biển...), ở khu vực duyên hải Nam Trung Bộ và một số tỉnh phía Bắc. Đất phải được cày bừa kỹ, lên luống rộng 1,2 m, cao 30-40 cm (nếu đất có tầng đất màu nông thì làm luống rộng 1,3-1,4 m).

Thời vụ: Vụ Xuân trồng từ 20/1 đến 20/2; vụ Thu Đông: Trồng từ 25/8 đến 10/9.

Lượng phân bón: Gồm 10 tấn phân chuồng + (75-90,0) kg N + (37,5-45,0) kg P_2O_5 + (112,5-135,0) kg K_2O /ha (đất cát ven biển, đất bạc màu bón tăng đậm, đất tốt bón ít đậm tăng lân và kali). Cách bón: Bón lót toàn bộ lượng phân chuồng + toàn bộ phân lân + 1/3 lượng đạm + 1/3 lượng kali. Lượng phân còn lại dùng để bón thúc kết hợp vun xới. Vun xới lần 1: Sau trồng 20-25 ngày kết hợp bón thúc 1/3 lượng đạm, 1/3 lượng kali. Vun xới lần 2: Sau lần 1 khoảng 15-20 ngày kết hợp bón thúc số phân còn lại.

Diễn hình đã áp dụng thành công

Giống lang ruột vàng chất lượng cao KLC266 đã được áp dụng thành công ở một số tỉnh miền Trung và miền Bắc như ở huyện Nho Quan tỉnh Ninh Bình; huyện Thanh Hà, Kỳ Anh, Lộc Hà tỉnh Hà Tĩnh; huyện Tĩnh Gia tỉnh Thanh Hóa; huyện Triệu Phong tỉnh Quảng Trị; huyện Thăng Bình tỉnh Quảng Nam; TP. Quy Nhơn tỉnh Bình Định; và một số địa phương thuộc các tỉnh miền Bắc như Quảng Ninh, Hải Phòng, Thái Bình, Hải Dương, Hưng Yên, Nam Định, Hà Nội, Vĩnh Phúc, Sơn La, Hà Giang, Điện Biên, từ năm 2008-2010 diện tích trồng đã lên hơn 700 ha.



ĐỊA CHỈ LIÊN HỆ

VIỆN CÂY LƯƠNG THỰC VÀ CÂY THỰC PHẨM (CƠ SỞ 2)

ĐC: Vĩnh Quỳnh, Thanh Trì, Hà Nội
ĐT: 04 36815484; 0912 109226

GIỐNG KHOAI TÂY EBEN

Nguồn gốc

Tác giả: Trương Công Tuyền, Phạm Xuân Tùng, Đặng Thị Huế, Nguyễn Đạt Thoại và CTV., Viện Cây lương thực và Cây thực phẩm.

Giống khoai tây Eben có nguồn gốc từ Phillipin, được nhập vào Việt Nam từ Úc và khảo nghiệm từ năm 2000. Đây là giống rất có triển vọng cho công nghiệp chế biến. Giống được công nhận cho sản xuất thử tại Quyết định số 88/QĐ-TT-CLT ngày 22/4/2008.

Đặc điểm chính của giống

Thời gian sinh trưởng 90-100 ngày. Cây cao trung bình 60-70 cm, có dạng thân nửa đứng, tán lá rộng trung bình, màu lá xanh nhạt, hoa có màu trắng. Một khóm có từ 4-5 thân, thích hợp cho việc thâm canh. Củ dạng tròn, ruột củ màu trắng, vỏ củ nhẵn, mắt củ nông màu hồng nhạt. Mầm củ to, khỏe, mỗi củ có từ 2-4 mầm. Có khả năng chống bệnh mốc sương rất tốt, có tiềm năng năng suất cao và rất ổn định qua các vụ trồng. Năng suất đạt từ 20-25 tấn/ha. Hàm lượng chất khô đạt 20-23%, chất lượng ăn nếm khá, thích hợp cho chế biến.

Hướng sử dụng và yêu cầu kỹ thuật

Thời vụ trồng: Vụ Đông trồng từ 30/10 đến 30/11 là tốt nhất, khung thời vụ có thể kéo dài đến 15/12. Mật độ 5-6 cây/m². Nếu trồng hàng đôi khoảng cách 30 x 40cm (1.800 cây/sào Bắc bộ). Phân bón cho 1ha: 350 kg đạm; 750 kg lân supe; 320 kg kali/ha. Bón lót: 100% phân chuồng, phân lân + 50% lượng phân đạm và phân kali. Bón thúc lần 1: Kết hợp với vun xới khoai tây và bón 50% lượng phân đạm và phân kali còn lại.

Nên chọn cỡ củ giống 30-50g để trồng, không nên dùng cỡ củ giống quá nhỏ (< 30g) sẽ ảnh hưởng đến năng suất khoai tây.

Diễn hình đã áp dụng thành công

Giống khoai tây Eben đã được áp dụng thành công tại các tỉnh vùng ĐBSH như Hải Phòng, Bắc Giang, Thái Bình, Hải Dương.



ĐỊA CHỈ LIÊN HỆ

TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU VÀ PHÁT TRIỂN CÂY CÓ CỦ
VIỆN CÂY LƯƠNG THỰC VÀ CÂY THỰC PHẨM

ĐC: Xã Liên Hồng, Gia Lộc, Hải Dương
ĐT: 0320. 3716391; 0913 598704

GIỐNG KHOAI SÁP MDH.01

Nguồn gốc

Tác giả: Nguyễn Thanh Phương và cộng sự (Nguyễn Thị Ngọc Huệ, Trần Tiến Dũng, Hồ Sĩ Công, Nguyễn Trung Bình, Nguyễn Kim Hoa), Viện KHKT Nông nghiệp duyên hải Nam Trung Bộ.

Giống khoai sấp MDH.01 là dòng vô tính được chọn lọc từ quần thể giống địa phương Phước sọ Nghệ An trong tập đoàn 80 giống khoai sấp của Trung tâm Tài nguyên thực vật. Giống được công nhận cho sản xuất thử tại Quyết định số 608/QĐ-TT-CLT ngày 14 tháng 12 năm 2010.

Những đặc điểm chính

Thời gian sinh trưởng 9-9,5 tháng. Chiều cao cây 80-85 cm. Dạng củ con hình trứng dài, củ cái hình trứng, kích thước củ cái nhỏ. Số củ con/khóm 8,6; tỷ lệ củ thương phẩm cao (71-80%). Năng suất cao 24,03 tấn/ha tại Phú Yên và 27,88 tấn/ha tại Gia Lai, cao hơn giống đối chứng từ 37,7-42,9%.

Tỷ lệ chất khô 33,32%; màu thịt trắng, chất lượng ăn luộc bở, thơm, ngon và không ngứa. Khá sạch bệnh, chịu được bệnh mốc sương, không bị bệnh thối củ, thối rễ.

Hướng sử dụng và yêu cầu kỹ thuật

Trồng vào cuối tháng 5 dương lịch, thu hoạch tháng 2-3 năm sau.

Có thể trồng xen trong các vườn keo, xà cừ, cà phê, cao su tiểu điền mới trồng chưa khép tán.

Hom giống: Củ cái hoặc củ con, khi cắt phải đồng đều, với kích thước 4-5 cm. Xử lý giống bằng một số loại thuốc BVTV phòng trừ nấm bệnh như: Anvil 5SC, Bavistin 50FL. Ngâm củ giống đã cắt vào thuốc với nồng độ 0,1% trong thời gian 10 phút, vớt ra trồng ngay. Mật độ trồng 26 nghìn cây/ha (75 x 50 cm). Phân bón 60N:60P₂O₅:60K₂O. Cách bón: Lần 1: Sau trồng 1-1,5 tháng khi cây mọc đều có từ 2-3 lá, bón phân N:P:K 16-16-8 liều lượng 100 kg/ha; Lần 2: Khi cây 3 lá hoặc cao 20-25 cm, bón phân N:P:K 16-16-8 liều lượng 200 kg/ha, 25 kg kali và vụn nhẹ; Lần 3: Sau trồng 4 tháng, bón phân N:P:K 16-16-8 liều lượng 75 kg/ha và 35 kg kali, vụn cao 20-25 cm.

Điển hình đã áp dụng thành công

Được áp dụng thành công tại cao nguyên Vân Hòa, huyện Sơn Hòa-Phú Yên; huyện Kbang-Gia Lai; huyện Đắk Song, Tuy Đức, Đắk Glong-Đắk Nông.



ĐỊA CHỈ LIÊN HỆ

VIỆN KHOA HỌC KỸ THUẬT NÔNG NGHIỆP DUYÊN HẢI NAM TRUNG BỘ

ĐC: Đường Tây Sơn, KV8, P. Nhơn Phú
TP. Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định
ĐT: 056. 3846626; 3646792

Nguồn gốc

Tác giả: Nguyễn Thiếu Hùng, Đỗ Thị Bích Nga, Trịnh Văn Mỹ, Trần Thị Thanh Hương, Đào Huy Chiên, Lê Thị Thuần, Trung tâm Nghiên cứu và Phát triển Cây có củ-Viện Cây lương thực và Cây thực phẩm; Trần Ngọc Ngõ, Phòng Nông nghiệp huyện Bình Liêu, Quảng Ninh.

Giống dong riềng DR1 được thu thập tại Hòa Bình.

Giống được Bộ Nông nghiệp & PTNT công nhận cho sản xuất thử tại Quyết định số 608/QĐ-TT-CLT ngày 14/12/2010.



Đặc điểm chính

Thời gian sinh trưởng ngắn 250-280 ngày. Sinh trưởng phát triển mạnh, cây cao trung bình 165-185cm, ít đổ, củ nạc, đồng đều, ruột trắng được nông dân ưa chuộng. Năng suất củ tươi 45-60 tấn/ha. Hàm lượng tinh bột 13,4-16,4%. Có khả năng thích ứng rộng, chịu hạn tốt, chịu rét khá và chống chịu bệnh khô lá.

Hướng sử dụng và yêu cầu kỹ thuật

Trồng từ tháng 2 đến tháng 5, nhưng tốt nhất là từ 05/02 đến 05/3. Nếu trồng trên đất đồi núi, đất đá, bãi thoát nước thì không cần phải làm đất mà sau khi dọn cỏ, bỏ hốc khoảng 20 x 20 x 25cm, đất hót ra để phía trên dốc, gặp mưa, màu dồn xuống hố, bổ sung dinh dưỡng cho cây. Nếu trồng trên đất ruộng, vườn, bãi đọng nước cần lên luống rộng 140cm-200cm. Trồng khoảng 40.000-50.000 cây/ha, tuy nhiên cũng tùy thuộc vào kỹ thuật canh tác, nếu trồng xen với ngô, đậu tương... thì mật độ giảm. Khoảng cách 50 x 45cm-50cm. Phân bón cho 1 ha: Phân hữu cơ 10-15 tấn, 200kg N, 100kg P₂O₅, 200kg K₂O. Bón lót: Toàn bộ phân chuồng và lân, 1/3 đạm. Bón thúc lần 1: Sau khi cây mọc 1 tháng 1/3 đạm, 1/2 kali. Bón thúc lần 2: Sau trồng 4 tháng 1/3 đạm, 1/2 kali. Chú ý không bón phân chuồng tươi. Ngoài ra, muốn củ phát triển tốt nên dùng rơm rác, lá xanh... phủ gốc làm xốp đất, giữ ẩm cho củ ăn lên và cung cấp thức ăn cho cây.

Có thể sử dụng để chế biến tinh bột, ăn tươi hoặc làm thức ăn gia súc, đặc biệt chất lượng củ dong riềng DR1 rất thích hợp cho yêu cầu chế biến công nghiệp.

Điển hình đã áp dụng thành công

Bình Liêu-Quảng Ninh; Lộc Ninh-Bình Phước; Khoái Châu-Hưng Yên; Thanh Thủy-Phú Thọ; Na Rì-Bắc Kạn.



ĐỊA CHỈ LIÊN HỆ

TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU VÀ PHÁT TRIỂN CÂY CÓ CỦ

ĐC: Xã Vĩnh Quỳnh, Thanh Trì, Hà Nội
ĐT: 043. 8615485; Fax: 043. 8616821

GIỐNG KHOAI MÔN KM-1

Nguồn gốc

Tác giả: Lưu Ngọc Trinh, Nguyễn Phú Chu, Nguyễn Phùng Hà, Lưu Quang Huy, Trung tâm Tài nguyên thực vật, Viện KHNNVN.

Giống khoai môn nước KM-1 được bình tuyển, phục tráng từ giống khoai Tía Riềng địa phương, nguồn gốc từ Nghĩa Hưng, Nam Định. Giống được công nhận sản xuất thử tại Quyết định số 304/QĐ-BNN-TT ngày 18 tháng 8 năm 2009.

Những đặc điểm chính

Trồng thích hợp vào mùa xuân (tháng 2, tháng 3), thu hoạch vào tháng 11, 12. Với mật độ, trồng và phân bón thích hợp có thể cho năng suất củ trên 50 t/ha, năng suất dọc, lá trên 60 t/ha. Củ và dọc, lá có hàm lượng đạm cao, tới trên 8% tổng chất khô, thích hợp để chế biến và dùng trực tiếp làm thức ăn chăn nuôi.

Hướng sử dụng và yêu cầu kỹ thuật

Hom giống được chọn từ những cây khoai tốt, không bị sâu bệnh. Gốc hom được cắt từ nách lá (sẹo lá) thứ 3 từ trên củ xuống, phía trên cắt bỏ dọc lá, để lại phần dọc dài 25-30 cm. Có thể trồng trên nhiều loại đất, nhưng cần chủ động tưới tiêu. Trồng trên đất cạn: Làm đất và trồng như đối với các cây trồng cạn, tưới nước đủ ẩm sau trồng; Trồng ở ruộng ngập nước: Cày sâu 12-15 cm. Lên luống rộng 1-1,2 m, cao 5-10 cm. Đất lưu bùn cần đánh luống cao để khoai không bị ngập úng lâu. Đất tốt trồng 6 cây/m²; đất xấu trồng dày hơn, 7 khóm/m². Khi cây bén rễ rút hết nước, chỉ để ruộng đủ ẩm.

Lượng phân bón cho một sào Bắc Bộ (360 m²): Phân chuồng hoai mục: 5 tạ, rơm rạ khô: 10 tạ, NPK tổng hợp (5:10:3): 40kg, đạm urea: 7kg và vôi bột: 15-20 kg. Bón lót toàn bộ phân chuồng, 20kg NPK, 2 kg urea; sau khi trồng phủ lên mặt luống 5 tạ rơm rạ, bón thúc đợt I (sau trồng 20-25 ngày): 2,5 kg urea, bón thúc đợt II (50-60 ngày sau trồng): 2,5 kg urea và bón thúc đợt III (100-120 ngày sau trồng): 20 kg NPK và phủ lên mặt luống 5 tạ rơm rạ. Giữ khô ruộng 20 ngày trước khi thu hoạch.

Các loại sâu bệnh chính hại khoai môn nước: Sâu khoang, nhện đỏ, bệnh cháy lá. Sử dụng hom giống khỏe, sạch bệnh; bón phân và tưới nước hợp lý. Theo dõi phòng trừ kịp thời bằng các loại thuốc thích hợp.

Điển hình đã áp dụng thành công

Giống KM-1 đã được áp dụng thành công tại các tỉnh ĐBSH (Hà Nội, Nam Định...).



ĐỊA CHỈ LIÊN HỆ

TRUNG TÂM TÀI NGUYÊN THỰC VẬT

ĐC: Xã An Khánh, Hoài Đức, Hà Nội.

ĐT: 0433 654965; Website: www.pgrvietnam.org.vn

CÂY ĐẬU ĐỎ



GIỐNG ĐẬU TƯƠNG DT2008

Nguồn gốc

Tác giả: Mai Quang Vinh và các cộng sự, Viện Di truyền Nông nghiệp.

Giống DT2008 được chọn tạo theo hướng chống chịu (chịu hạn, chịu bệnh, có thể trồng 3 vụ/năm, đề kháng cao với các điều kiện khó khăn), năng suất cao và chất lượng tốt từ tổ hợp lai hữu tính DT2001 x HC100 kết hợp gây tạo đột biến ở F4 bằng tia γ - Co60/180. Giống được Bộ Nông nghiệp và PTNT công nhận cho sản xuất thử tại Quyết định số 385/QĐ-TT-CCN ngày 28/09/2010.

Những đặc điểm chính

Hoa màu tím, lông nâu, vỏ quả chín màu vàng, số quả chắc trên cây cao từ 35-200 quả, tỷ lệ hạt/quả cao từ 2,0-2,2; hạt vàng, to, mẫu mã đẹp, rốn hạt nâu đen, khối lượng 1000 hạt 200-260g; tỷ lệ protein cao: 40,3%.

Thuộc nhóm giống trung và dài ngày, TGST từ 95-110 ngày tùy vụ. Năng suất cao 20-40 tạ/ha. Chống chịu tổng hợp với nhiều yếu tố bất lợi của sản xuất: Trong vụ Xuân có khả năng chịu hạn, rét, bệnh đầu vụ, chịu nóng, mưa úng cuối vụ; vụ Hè chịu nóng, hạn cục bộ cuối vụ; vụ Đông chịu mưa úng, rét, hạn, bệnh....

Hướng sử dụng và yêu cầu kỹ thuật

Tại các tỉnh thuộc Đông Bắc Bộ, giống thích hợp với vụ Xuân sớm gieo 20/01-10/2, vụ Hè Thu gieo từ 25/5, vụ Đông gieo trước 25/9. Tại vùng Tây Bắc: Vụ Xuân gieo 15/2-15/3, vụ Hè Thu gieo 15/6-30/8. Tại Tây Nguyên, gieo vào các tháng 2,8,10,11 để thu hoạch vào mùa khô. Tại các tỉnh phía Nam khác, gieo theo thời vụ tại địa phương.

Mật độ: Vụ Xuân 40 x 20-25cm (25-30 cây/m²), vụ Hè Thu 40-50 x 25-30cm (15-20 cây/m²), vụ Đông: 35 x 15cm (30 cây/m²). Gieo 2 hạt/hốc, lượng giống 1,5 - 2,0 kg/sào Bắc Bộ (50 -60 kg/ha). Lượng phân 1ha: Vụ Xuân và Đông, 60kg đạm urea + 300kg lân + 90kg kali; Vụ Hè và vụ Hè Thu giảm lượng đạm bằng 1/2 lượng trên, nếu đất tốt không cần bón đạm. Cách bón: Bón lót toàn bộ phân lân +1/2 phân đạm vào rạch (có thể thay bằng 15-20kg NPK 4-12-7 Văn Điển cho 1 sào Bắc Bộ), lấp nhẹ phân và gieo hạt bên cạnh, cách phân 5cm. Bón thúc 1/2 lượng đạm + toàn bộ kali khi cây có 4-6 lá thật.

Diễn hình đã áp dụng thành công

Đã được áp dụng thành công tại ĐBSH (Hà Nội, Hưng Yên, Vĩnh Phúc, Hà Nam); vùng Đông Bắc Bộ (Hà Giang, Thái Nguyên, Cao Bằng, Phú Thọ, Tuyên Quang); vùng Tây Nguyên (Đắk Lắk, Kon Tum); vùng Duyên hải Nam Trung Bộ (Bình Định); tại đồng bằng sông Cửu Long (An Giang).



ĐỊA CHỈ LIÊN HỆ

BỘ MÔN ĐỘT BIẾN VÀ ƯU THỂ LAI VIỆN DI TRUYỀN NÔNG NGHIỆP

ĐC: Đường Phạm Văn Đồng, Từ Liêm, Hà Nội
ĐT: 04. 38364315

GIỐNG ĐẬU TƯƠNG NGẮN NGÀY Đ8

Nguồn gốc

Tác giả: Nguyễn Văn Lâm, Nguyễn Văn Thắng, Lê Huy Nghĩa, Phạm Văn Biên, Trần Thị Thuý, Vũ Văn Quang và Nguyễn Tấn Hinh, Viện Cây lương thực và Cây thực phẩm, Viện KHNNVN.

Giống đậu tương Đ8 được lai tạo và chọn lọc từ tổ hợp lai AK03 × M103. Giống đã được Bộ Nông nghiệp & PTNT công nhận cho sản xuất thử tại Quyết định số 614/QĐ-TT-CCN ngày 16 tháng 12 năm 2010.



Những đặc điểm chính

Thuộc nhóm ngắn ngày (80-85 ngày), loại hình sinh trưởng hữu hạn, cây đứng, lá hình trứng nhọn, chiều cao cây trung bình (43-55cm) và có khả năng phân cành nhiều (2,3-3,0 cành); hoa màu tím, hạt to màu vàng sáng, rốn hạt màu nâu nhạt. Có khả năng kháng bệnh gỉ sắt, sương mai và bệnh phấn trắng, chịu hạn và chịu rét khá; thích ứng rộng, có thể gieo trồng được ở các điều kiện sinh thái khác nhau.

Có số quả/cây nhiều (27-40 quả) và khối lượng 1000 hạt lớn (195-203g) và tỷ lệ quả 3 hạt cao (6,5%), hạt có hàm lượng dinh dưỡng khá (protein: 39,7% và lipid là 18,7%). Giống Đ8 có tiềm năng năng suất cao (21,0-23,0 tạ/ha).

Hướng sử dụng và yêu cầu kỹ thuật

Gieo trồng được cả 3 vụ/năm (vụ Xuân, vụ Hè và vụ Đông), trên nền đất khô hoặc nền đất ướt (trong vụ Đông trên đất 2 vụ lúa sau thu lúa mùa) bằng phương pháp tra hạt đậu vào gốc rạ, gieo vãi bằng tay hoặc bằng máy. Thời vụ gieo trồng: Vụ Xuân gieo từ 25/2-15/3; vụ Hè: 25/5-25/6 và vụ Đông: 15/9-25/9. Mật độ gieo hạt vụ Xuân, vụ Hè: 30 cây/m², vụ Đông: 35-45 cây/m²

Phân bón cho 1ha: Phân đạm urea: 85-90 kg; supe lân: 300-310 kg; kali clorua: 80-85 kg và phân hữu cơ vi sinh: 1 tấn. Bón lót toàn bộ hữu cơ vi sinh + phân lân + 1/2 đạm và 1/2 kali. Bón thúc 1/2 đạm và 1/2 kali, kết hợp vun xới lần 2.

Địa phương đã áp dụng thành công

Đã được triển khai khảo nghiệm sản xuất và sản xuất thử tại các địa phương: Hải Dương, Hưng Yên, Thái Bình, Hà Nam, Hà Nội và các tỉnh miền núi phía Bắc: Bắc Kạn, Sơn La...



ĐỊA CHỈ LIÊN HỆ

BỘ MÔN CÂY THỰC PHẨM
VIỆN CÂY LƯƠNG THỰC VÀ CÂY THỰC PHẨM

ĐC: Xã Liên Hồng, Gia Lộc, Hải Dương
ĐT: 0320. 3716392

GIỐNG ĐẬU TƯƠNG Đ2101

Nguồn gốc

Tác giả: Nguyễn Tấn Hình, Nguyễn Văn Lâm, Phạm Thị Cải, Dương Xuân Tú, Phan Thị Thanh và CTV., Bộ môn Cây thực phẩm, Viện Cây lương thực và Cây thực phẩm.

Giống đậu tương Đ2101 được lai tạo và chọn lọc từ tổ hợp Đ95 x Đ9037. Giống đã được công nhận giống chính thức tại Quyết định số 614/ QĐ-TT-CCN ngày 16/12/2010.

Những đặc điểm chính

Thời gian sinh trưởng nhóm trung ngày (90-100 ngày). Cứng cây, chống đổ và chống bệnh tốt, cỡ hạt lớn (khối lượng 1000 hạt 170 g-185 g), hạt màu vàng đẹp, chất lượng hạt khá (protein 41,0% và lipid 19,9%).

Có tiềm năng năng suất cao 22,0-26,0 tạ/ha. Thích hợp với gieo trồng cho vụ Xuân và vụ Đông ở các tỉnh phía Bắc.



Hướng sử dụng và yêu cầu kỹ thuật

Trong điều kiện vụ Xuân thường được trồng trên đất bãi ven sông, đất chuyên màu; vụ Đông trên đất 2 lúa, áp dụng kỹ thuật gieo trồng trên nền đất ướt (làm đất tối thiểu) bằng phương pháp tra hạt đậu vào gốc rạ, gieo vãi bằng tay hoặc bằng máy.

Vụ Xuân gieo từ 20/2 đến 1/3; vụ Đông gieo từ 15/9 đến 25/9 (nếu gieo muộn phải kết thúc trước 5/10). Mật độ: Vụ Xuân gieo 20-30 cây/m² với lượng hạt giống: 60-70 kg/ha và vụ Đông gieo 40-50 cây/m² với lượng hạt giống: 80-90 kg/ha.

Lượng phân bón cho 1 ha: Đạm urea: 85-90 kg; supe lân: 300-310kg; kali clorua: 80-85kg; 1 tấn phân hữu cơ vi sinh. Bón lót toàn bộ hữu cơ + phân lân + 1/2 đạm và 1/2 kali trước khi gieo; Bón thúc số lượng 1/2 đạm và 1/2 kali, kết hợp khi vun xới lần 2.

Điển hình áp dụng thành công

Đã được triển khai sản xuất tại nhiều địa phương như Hải Dương, Hưng Yên, Thái Bình, Hà Nam, Hà Nội và các tỉnh miền núi phía Bắc như Hòa Bình, Bắc Kạn, Sơn La.



ĐỊA CHỈ LIÊN HỆ

BỘ MÔN CÂY THỰC PHẨM
VIỆN CÂY LƯƠNG THỰC VÀ CÂY THỰC PHẨM

ĐC: Xã Liên Hồng, Gia Lộc, Hải Dương
ĐT: 0320. 3716392; 0912 608357

GIỐNG ĐẬU TƯƠNG ĐVN9

Nguồn gốc

Tác giả: Đào Quang Vinh, Nguyễn Thị Thanh, Chu Thị Ngọc Viên, Dương Văn Dũng, Nguyễn Kim Lệ, Đỗ Ngọc Giao và Bùi Thị Bộ, Viện Nghiên cứu Ngô, Viện KHNN Việt Nam.

ĐVN9 được chọn tạo bằng phương pháp lai hữu tính ĐT12 x VN20-5. ĐT12 là giống nhập nội, VN20-5 do Viện Nghiên cứu Ngô tạo ra (từ tổ hợp lai Cúc Tuyển x AK-05). Giống được Bộ Nông nghiệp và PTNT công nhận chính thức tại Quyết định số 212/QĐ-TT-CCN ngày 01 tháng 7 năm 2010.

Đặc điểm chính

ĐVN9 thuộc nhóm chín sớm, có TGST ở vụ Xuân là 80-82 ngày, vụ Hè và vụ Đông: 76-78 ngày. Dạng hình sinh trưởng hữu hạn, cây đứng, lá hình trứng nhọn, hoa màu tím, lông trắng, vỏ quả mỏng, chín màu vàng rơm, vỏ hạt vàng sáng, rốn hạt nhỏ nâu nhạt. Số cành cấp 1 từ 1,7-3,1 cành, chiều cao cây 27,3-56,5 cm, số quả trên cây 22,9-49,5 quả, khối lượng 1000 hạt: 148-1782g. Hàm lượng protein trong hạt 38,68%, lipid: 19,47%. Năng suất: 19,4-27,8 tạ/ha.

Điểm yếu của giống là khả năng chống úng kém. Trên những chân đất bị đọng nước lâu có thể bị bệnh thối thân.

Hướng sử dụng và yêu cầu kỹ thuật

ĐVN9 phát huy ưu thế nhất trong vụ Xuân muộn, vụ Hè, đặc biệt thích hợp cho cơ cấu ngô Xuân (sản xuất hạt giống)-đậu tương Hè-ngô Thu Đông. Thời vụ thích hợp ở đồng bằng Bắc Bộ, vụ Xuân từ 20/2 đến 10/3, vụ Hè từ 20/5 đến 20/6, vụ Đông trước 12/10.

Mật độ vụ Xuân 40-45 cây/m², khoảng cách 35 x 6-7 cm, lượng giống 62 kg/ha; vụ Hè 25 cây/m², khoảng cách 35 x 11,5 cm, lượng giống 50 kg/ha; vụ Đông 45-50 cây/m², lượng giống 70 kg/ha nếu gieo theo gốc rạ, 98 kg/ha nếu gieo vãi. Phân bón cho 1 ha: 500 kg vôi bột nếu đất chua, 7-8 tấn phân chuồng (nếu có); phân hoá học 50 kg N + 60 kg P₂O₅ + 50 kg K₂O ở vụ Xuân và Đông, 60 kg P₂O₅ + 50 kg K₂O ở vụ Hè.

Diễn hình đã áp dụng thành công

ĐVN9 đã được trồng rộng rãi tại Thanh Thủy và Tam Nông (Phú Thọ); Ba Vì, Phú Xuyên, Mỹ Đức (Hà Nội); Thanh Miện, TP. Hải Dương (Hải Dương); Kim Động (Hưng Yên); Yên Định (Thanh Hoá). Năng suất thu được dao động từ 19,4 đến 27,8 tạ/ha.



ĐỊA CHỈ LIÊN HỆ

VIỆN NGHIÊN CỨU NGÔ

ĐC: Đan Phượng, Hà Nội
ĐT: 04. 33886594; 0912 879553

GIỐNG ĐẬU TƯƠNG ĐVN11

Nguồn gốc

Tác giả: Nguyễn Thị Thanh, Nguyễn Kim Lệ, Đỗ Ngọc Giao, Bùi Thị Bộ và Bùi Văn Duy, Viện Nghiên cứu Ngô, Viện KHNN Việt Nam.

Giống đậu tương ĐVN11 được chọn tạo từ tổ hợp lai Cúc Tuyền x AK-05. Cúc Tuyền là giống địa phương, AK05 là giống nhập nội. Chọn lọc theo phả hệ. Giống được Bộ Nông nghiệp và PTNT công nhận cho sản xuất thử tại Quyết định số 211/QĐ-TT-CCN ngày 01 tháng 7 năm 2010.

Đặc điểm chính của giống

Chín trung bình sớm, thời gian sinh trưởng ở vụ Xuân 88-90 ngày, vụ Hè và vụ Đông 80-82 ngày; Loại hình sinh trưởng hữu hạn, dạng cây đứng, lá hình trứng nhọn, lông trên thân và gân lá màu trắng, hoa tím, vỏ hạt vàng sáng, rốn hạt nâu nhạt. Số cành cấp 1 từ 1,9-3,4 cành, chiều cao cây 44,4-71,8 cm, số quả trên cây 20,6 đến 46,3 quả, P1000 hạt dao động từ 160-206g tùy vụ. Hàm lượng protein trong hạt 38,51%, hàm lượng lipid 17,95%. Năng suất 22,6-24,8 tạ/ha.

ĐVN11 có khả năng chống bệnh lở cổ rễ, gỉ sắt, sương mai tốt, nhưng trong vụ Hè có thể bị nhiễm đốm nâu.

Hướng sử dụng và yêu cầu kỹ thuật

ĐVN11 có thể trồng 3 vụ trong năm, nhưng thích hợp nhất ở vụ Xuân và vụ Đông. Giống có thể trồng trên đất màu cao, đất sau 2 vụ lúa ở đồng bằng Bắc Bộ, đất đồi gò ở các tỉnh miền núi phía Bắc. Thời vụ thích hợp cho các tỉnh phía Bắc trong vụ Xuân: Từ 18/2 đến giữa tháng 3, vụ Hè: 20/5-20/6 và vụ Đông: Trước 5/10.

Mật độ vụ Xuân 40-45 cây/m², khoảng cách 35 x 6,3-7,1 cm, lượng giống 75 kg/ha; vụ Hè 25-30 cây/m², khoảng cách 35 x 12-15 cm, lượng giống 50 kg/ha; vụ Đông 40-45 cây/m², lượng giống 75 kg/ha nếu gieo theo gốc rạ, 85 kg/ha nếu gieo vãi. Phân bón: Trên đất có độ phì trung bình bón cho 1 ha 500 kg vôi bột, 80-110 kg đạm urea, 300 kg lân supe, 80-110 kg kali. Vụ Hè, ở những chân đất tốt và trung bình không cần bón đạm.

Điển hình đã áp dụng thành công

Đã được sản xuất tại các huyện Phúc Thọ, Ba Vì, Đan Phượng, Thạch Thất (Hà Nội), Phổ Yên (Thái Nguyên), thành phố Hải Dương (Hải Dương), Thanh Thủy, Đoan Hùng (Phú Thọ), Bình Xuyên (Vĩnh Phúc). Năng suất trung bình dao động từ 20 đến 24 tạ/ha, những nơi thâm canh tốt đạt 26-27 tạ/ha.



ĐỊA CHỈ LIÊN HỆ

VIỆN NGHIÊN CỨU NGÔ

ĐC: Đan Phượng, Hà Nội

ĐT: 04. 33886594; 0912 879553

GIỐNG ĐẬU TƯƠNG HL203

Nguồn gốc

Tác giả : Hà Hữu Tiến, Nguyễn Văn Chương và Nguyễn Văn Mạnh. Trung tâm Nghiên cứu Thực nghiệm Nông nghiệp Hưng Lộc thuộc Viện Khoa học Kỹ thuật Nông nghiệp miền Nam, Viện KHNNVN.

Giống đậu tương HL203 có tên gốc GC84058-18-4 trong bộ giống ASET99 của AVRDC, được nhập vào Việt Nam năm 1999. Giống được Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn công nhận chính thức tại Quyết định số 359/QĐ-TT-CCN ngày 20 tháng 9 năm 2010.

Đặc điểm chính

Thời gian sinh trưởng 80-82 ngày, chiều cao cây 50-65cm, phân cành gọn. Hoa màu trắng, số quả/cây 25-40, tỷ lệ quả 3 hạt 18-22%, vỏ quả màu vàng nâu khi chín. Hàm lượng protein 34%, lipid 18,3%, khối lượng 1000 hạt 140-180g. Hạt màu vàng sáng, rốn hạt màu nâu nhạt thích hợp thị hiếu tiêu dùng. Chống chịu khá với bệnh gỉ sắt (*Phakopsora pachyrhizi*), cháy lá vi khuẩn (*Pseudomonas syringae*); Chống đổ ngã tốt, chịu thâm canh. Năng suất cao tương đối ổn định, đạt 1,5-1,8 tấn/ha (vụ Hè Thu và Thu Đông) và 2,2-2,5 tấn/ha (vụ Đông Xuân và Xuân Hè), trong điều kiện thâm canh có thể đạt 3,2 tấn/ha.

Hướng sử dụng và yêu cầu kỹ thuật

Trồng thích hợp trên đất đỏ bazan, đất phù sa ven sông, suối và đất thịt nhẹ luân canh sau 2 vụ lúa (có tưới). Vụ trồng thích hợp: Hè Thu, Đông Xuân (Tây Nguyên); Thu Đông, Đông Xuân (Đông Nam Bộ); Đông Xuân, Xuân Hè (ĐBSCL), có thể trồng xen với ngô, bông vải và cao su trồng mới.

Mật độ trồng 333-375 ngàn cây/ha, khoảng cách 40-45m x 20cm (3 cây/hốc). Lượng phân bón/ha: 40-60N + 60P₂O₅ + 60K₂O (khoảng 87-130 kg urea + 364 kg supe lân + 100 kg KCl). Bón lót trước gieo trồng: Toàn bộ lân; thúc lần 1: 10-12 ngày sau mọc, ½ N + ½ K₂O; thúc lần 2: 20-22 ngày sau mọc, ½ N + ½ K₂O.

Điển hình đã áp dụng thành công

Đã sản xuất thử thành công tại Đông Nam Bộ (Đồng Nai), Tây Nguyên (Đắk Lắk, Gia Lai), đồng bằng sông Cửu Long (Đồng Tháp, An Giang).



ĐỊA CHỈ LIÊN HỆ

TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU THỰC NGHIỆM NÔNG NGHIỆP HƯNG LỘC

ĐC: Xã Hưng Thịnh, Huyện Trảng Bom, Tỉnh Đồng Nai

ĐT: 061. 3868984; 3868279; 3868556.

Email: harc.ias08@gmail.com; website: www.iasvn.org.

ĐẬU TƯƠNG ĐTDH.01

Nguồn gốc

Tác giả: Hồ Huy Cường, Hoàng Minh Tâm, Trần Thị Trường, Nguyễn Văn Thắng, Mạc Khánh Trang, Cái Đình Hoài, Đỗ Thị Xuân Thủy, Nguyễn Thị Hàng Ni, Viện KHKTNN duyên hải Nam Trung Bộ.

Giống đậu tương ĐTDH.01 chọn lọc từ tổ hợp lai VX93 x DT94 từ năm 2004. Giống được Bộ Nông nghiệp & PTNT công nhận cho sản xuất thử tại Quyết định số 276/QĐ-TT-CCN, ngày 5 tháng 8 năm 2010.

Đặc điểm chính

Thuộc kiểu hình thấp cây, cao 45-60cm. Thời gian sinh trưởng: Vụ Đông Xuân 75-82 ngày; vụ Hè Thu 82-92 ngày. Kháng vừa với sâu cuốn lá, sâu đục quả và bệnh đốm lá. Khả năng chống đổ ngã tốt. Tỷ lệ quả 2-3 hạt cao (85%/ tổng số quả chắc). Khối lượng 1000 hạt 159-172 g. Năng suất đạt 28,3-31,2 tạ/ha.

Hướng sử dụng và yêu cầu kỹ thuật

Thời vụ: Vùng duyên hải Nam Trung Bộ, vụ Đông Xuân gieo từ 22/12 đến 5/1, vụ Hè Thu gieo đầu tháng 4 hoặc cuối tháng 5 (để tránh ra hoa vào tiết Mang chủng); vùng Tây Nguyên tùy vào thời gian mưa để bố trí gieo trồng vào vụ 1 hoặc vụ 2.

Lên luống rộng 1,2-1,3m, gieo 4 hàng dọc luống, với khoảng cách hàng cách hàng 30-35 cm, cây cách cây từ 10-15cm, mỗi hốc gieo 2 hạt. Lượng phân bón cho 1 ha: 5 tấn phân chuồng + 30kg N + 60kg P_2O_5 + 60kg K_2O + 400kg vôi. Bón lót 100% phân chuồng, phân lân và vôi. Bón thúc lần 1: Sau gieo 15 ngày bón 2/3 đạm +1/2 kali. Bón thúc lần 2: Sau gieo 25 ngày bón hết lượng phân còn lại.

Chú ý phòng trừ các đối tượng sâu bệnh hại như sâu xám, sâu keo, dòi đục thân lá, sâu xanh, bọ xít, rệp và sâu đục quả, bệnh thối rễ, bệnh đốm nâu.

Diễn hình áp dụng thành công

Giống đang được sản xuất thử tại các tỉnh duyên hải Nam Trung Bộ.



ĐỊA CHỈ LIÊN HỆ

BỘ MÔN CÂY THỰC PHẨM VIỆN KHKTNN DUYÊN HẢI NAM TRUNG BỘ

ĐC: Cơ sở II, Xã Nhơn Hưng, Huyện An Nhơn, Tỉnh Bình Định
ĐT: 056. 3735247; 056. 3846626; Fax: 056. 364617

Nguồn gốc

Tác giả: Nguyễn Văn Thắng, Nguyễn Thị YẾN, Nguyễn Thị Chinh, Nguyễn Xuân Thu, Trần Đình Long, Nguyễn Xuân Hồng, Nguyễn Xuân Đoan & Nguyễn Thị Thúy Lương. Trung tâm Nghiên cứu & Phát triển Đậu đỗ, Viện Cây lương thực và Cây thực phẩm.

Giống lạc L26 được chọn ra từ tổ hợp lai giữa giống L08 và TQ6 theo phương pháp phả hệ, mục tiêu chất lượng phục vụ xuất khẩu. Giống được công nhận cho sản xuất thử tại Quyết định số 233/QĐ-TT-CCN, ngày 14/7/2010.

Đặc điểm chính

Thời gian sinh trưởng: Vụ Xuân 120-125 ngày, vụ Thu Đông 95-100 ngày. Dạng hình thực vật Spanish, lá dạng hình trứng thuôn dài, màu xanh đậm, thân chính cao 40-45cm, quả to 165-185g/100 quả, gân trên quả rõ, vỏ quả trung bình-rõ, tỷ lệ nhân đạt 73-75%, hạt to 75-85g/100 hạt, vỏ lụa màu hồng cánh sen và không bị nứt vỏ hạt. Năng suất đạt 45-54 tạ/ha.

Hướng sử dụng và yêu cầu kỹ thuật

Thích hợp với chân đất tốt (thịt nhẹ) chủ động tưới, dễ thoát nước. Thời vụ trồng cho các tỉnh phía Bắc: Vụ Xuân từ 15/01-05/02; vụ Thu Đông từ 15/8-10/9.

Mật độ trồng từ 35-40 cây/m²; khoảng cách 25cm x 20cm x 2 hạt/hốc, hoặc 25cm x 12cm x 1 hạt/hốc. Lượng giống cho một ha: 220-240kg. Lượng phân bón cho một ha: Phân hữu cơ vi sinh 2.000kg; đạm urea 90kg; phân lân supe 650kg; kali clorua 180kg; vôi bột 500kg. Bón lót toàn bộ phân hữu cơ vi sinh + toàn bộ lân + 1/2 lượng đạm urea + 1/2 lượng kali + 1/2 lượng vôi bột. Bón thúc 1/2 lượng đạm urea + 1/2 lượng kali còn lại (khi cây có 5-6 lá kết hợp xới xáo). Chú ý: 1/2 lượng vôi bột còn lại bón vào giai đoạn sau hoa rộ 10-15 ngày.

Diễn hình đã áp dụng thành công

Giống lạc L26 đã được áp dụng thành công trong sản xuất tại các tỉnh như Nghệ An, Nam Định, Hải Dương và Ninh Bình.



ĐỊA CHỈ LIÊN HỆ

TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU VÀ PHÁT TRIỂN ĐẬU ĐỒ
VIỆN CÂY LƯƠNG THỰC VÀ CÂY THỰC PHẨM

ĐC: Xã Vĩnh Quỳnh, Thanh Trì, Hà Nội
ĐT: 04. 38618972; 04. 36810245

GIỐNG LẠC GV3

Nguồn gốc

Tác giả: Trần Văn Sỹ và cộng sự, Trung tâm Nghiên cứu Thực nghiệm Nông nghiệp Hưng Lộc thuộc Viện Khoa học Kỹ thuật Nông nghiệp miền Nam, Viện KHNNVN.

Giống lạc GV3 do Trung tâm Nghiên cứu Thực nghiệm Nông nghiệp Hưng Lộc chọn dòng từ cặp lai ICGV95276 x Cúc Nghệ An từ năm 1999 theo phương pháp phả hệ. Giống được Bộ Nông nghiệp và PTNT công nhận cho sản xuất thử tại vùng Đông Nam Bộ và Tây Nguyên tại Quyết định số 06/QĐ-TT-CCN ngày 14/1/2009.

Đặc điểm chính

Dạng cây gọn, chiều cao 40- 60 cm, thời gian sinh trưởng 87- 95 ngày. Vỏ lụa màu trắng hồng, khối lượng 100 hạt 39-42 g. Tỷ lệ hạt chín trong vụ mưa đạt 70-74% do vậy có thể mở rộng diện tích trồng giống lạc này trong mùa mưa. Vỏ quả mỏng, tỷ lệ nhân/ quả đạt 73-74%; hàm lượng dầu cao đạt 50-52%. Khả năng kháng bệnh đốm lá và gỉ sắt trung bình (cấp 4-cấp 6).

GV3 là giống lạc ngắn ngày đạt năng suất trung bình 1,6-2,2 tấn/ha, cao hơn giống Lý địa phương. Trong điều kiện thâm canh tốt đạt trên 2,2-2,8 tấn/ha.

Hướng sử dụng và yêu cầu kỹ thuật

Sử dụng cho nội tiêu và xuất khẩu. Có thể trồng quanh năm: Vụ Đông Xuân gieo 15/11-tháng 12, vụ Hè Thu gieo tháng 5-15/6 và vụ Thu Đông gieo tháng 8-10/9. Khoảng cách gieo trên đất đỏ 35 cm x 20 cm x 2 hạt/hốc, đất xám 30 cm x 20 cm x 2 hạt/hốc. Phân bón cho 1 ha: 60-80N + 80P₂O₅ + 60K₂O + 300 kg vôi. Có thể phun thêm phân bón lá tùy theo sinh trưởng của cây trồng. Có thể trồng xen với sắn, ngô, cây công nghiệp trong giai đoạn kiến thiết cơ bản.

Giống GV3 có vỏ mỏng do vậy đối với đất có thành phần cơ giới nặng (đất dỉ chặt) phải bón phân chuồng hay xới xáo thường xuyên nhất là giai đoạn hoa. Giống có thể trồng trong mùa mưa, nhưng trên đất thấp phải lên luống rộng 1,2-1,5m, cao 20-25 cm. Tránh trồng trên chân đất sau khi mưa khoảng 20-30 phút còn đọng nước trong ruộng.

Diễn hình đã áp dụng thành công

Giống đã được trồng và phát triển tốt tại Đồng Nai, Đắk Lắk và Bình Thuận từ 2007 cho đến nay.



ĐỊA CHỈ LIÊN HỆ

TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU THỰC NGHIỆM NÔNG NGHIỆP HƯNG LỘC

ĐC: Xã Hưng Thịnh, Huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai
ĐT: 061. 3868146; 061. 3868402

Nguồn gốc

Tác giả: Phạm Văn Chương, Nguyễn Văn Viết, Phan Thị Thanh và cộng sự, Viện KHKTNN Bắc Trung Bộ.

Giống lạc L20 do Bộ môn Di truyền miễn dịch và Trung tâm Nghiên cứu & PTNN vùng Bắc Trung Bộ (nay là Viện KHKTNN Bắc Trung Bộ) hợp tác nghiên cứu, lai tạo và chọn lọc. Giống lạc L20 là tổ hợp lai hữu tính (BG78XFRS51) được chọn lọc theo phương pháp phá hệ từ năm 1995, đến năm 1998 được đặt tên BG51, đến năm 2000 chọn được dòng thuần ổn định về di truyền, năng suất cao đặt tên là L20. Giống được công nhận sản xuất thử tại Quyết định số 465/QĐ-TT-CCN ngày 26 tháng 11 năm 2009.



Những đặc điểm chính

Thích ứng nhiều vùng sinh thái, đặc biệt ở Bắc Trung Bộ. Dạng hình thực vật Spanish, có khả năng thâm canh cao, lá có màu xanh nhạt, quả to trung bình, hạt có vỏ lụa màu trắng hồng. Thời gian sinh trưởng thuộc nhóm trung bình. Vụ Xuân khoảng 115-120 ngày và vụ Thu Đông 100-110 ngày. Có khả năng chống chịu sâu bệnh khá.

Năng suất cao (32-50 tạ/ha), khối lượng 100 quả 150-160g, khối lượng 100 hạt trên 60g và tỷ lệ nhân khá cao trên 70%.

Hướng sử dụng và yêu cầu kỹ thuật

Thích ứng với nhiều chân đất khác nhau như đất thịt nhẹ, đất cát pha và đất cát ven biển. Đặc biệt có tính ngủ nghỉ tốt, không nảy mầm trong quả khi chín gặp mưa.

Có thể gieo trồng được 3 vụ, vụ Xuân gieo 25/1-15/2, vụ Hè Thu 5/6-20/6, vụ Thu Đông 25/8 -15/9. Lượng phân bón 10-15 tấn phân chuồng + 1000kg NPK (3-9 - 6) + 500kg vôi bột/ha. Áp dụng biện pháp che phủ nilon, với mật độ 40 cây/m².

Diễn hình đã áp dụng thành công

Giống lạc L20 đã áp dụng thành công tại một số tỉnh vùng Bắc Trung Bộ như Nghệ An, Hà Tĩnh, Thanh Hóa, Quảng Trị, Huế; các tỉnh phía Bắc như Bắc Giang, Bắc Ninh, Vĩnh Phúc, Hải Dương.



ĐỊA CHỈ LIÊN HỆ

VIỆN KHOA HỌC KỸ THUẬT NÔNG NGHIỆP BẮC TRUNG BỘ

ĐC: Thành Phố Vinh, Nghệ An
ĐT: 038. 3512185